

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đào Thị Tình**

**Giảng viên hướng dẫn : Cử nhân- Kế toán trưởng Tô Thúy Hoa**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH  
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: Kế toán – Kiểm toán**

**Sinh viên : Đào Thị Tình**

**Giảng viên hướng dẫn : Cử nhân- Kế toán trưởng Tô Thúy Hoa**

**HẢI PHÒNG - 2012**



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Đào Thị Tình      Mã SV: 120070

Lớp: QT1201K      Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đình Đô



## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty Cổ Phần Đình Đô



**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: .....

Học hàm, học vị : .....

Cơ quan công tác: .....

Nội dung hướng dẫn:.....

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***



## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – tự do – hạnh phúc

-----

**PHIẾU NHẬN XÉT THỰC TẬP**

Họ và tên : Đào Thị Tình

Ngày sinh : 13/12/1990

Lớp : QT 1201K

Ngành : kế toán- kiểm toán

Khóa : 12

Thực tập tại : Công ty Cổ Phần Đình Đô

Từ ngày : ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

**1. Về tinh thần, thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật**

.....  
.....  
.....

**2. Về những công việc được giao**

.....  
.....  
.....

**3. Kết quả đạt được**

.....  
.....  
.....

....., ngày ..... tháng ..... năm 2012

**Xác nhận của lãnh đạo cơ sở thực tập**

**Cán bộ hướng dẫn thực tập của cơ sở**



## MỤC LỤC

<b>Lời mở đầu</b> .....	17
<b>CHƯƠNG I: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH</b> .....	19
1.1. .... SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....	19
1.1.1. . Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	19
1.1.2. .... Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh . .....	19
.....	19
1.2. MỘT VÀI NÉT CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	20
1.2.1. Một vài nét chung về doanh thu.....	20
1.2.1.1. Khái niệm.....	20
1.2.1.2. Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu .....	20
1.2.1.3. Vai trò, vị trí của doanh thu trong doanh nghiệp .....	22
1.2.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu .....	22
1.2.2. Chi phí.....	23
1.2.2.1. Khái niệm.....	23
1.2.2.2. Các loại chi phí trong doanh nghiệp .....	23
1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	25
1.2.3.1. Khái niệm.....	25
1.2.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	25
1.2.3.3. Ý nghĩa, vai trò của việc xác định kết quả kinh doanh.....	25
1.3 NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	26
1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	26



1.3.1.1. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng .....	26
1.3.1.2. Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	27
1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	31
1.3.2.1. Tài khoản sử dụng .....	31
1.3.2.2. Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	32
1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	34
1.3.3.1. Các phương pháp tính trị giá vốn hàng bán .....	34
1.3.3.2. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng .....	35
1.3.3.3. Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX) .....	36
1.3.3.4. Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	37
1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	39
1.3.4.1. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng .....	39
1.3.4.2. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	40
1.3.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	41
1.3.5.1. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng .....	41
1.3.5.2. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính .....	41
1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	43
1.3.6.1. Các sổ sách và tài khoản sử dụng.....	43
1.3.6.2. Phương pháp hạch toán doanh thu khác và chi phí khác .....	43
1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	45
1.3.7.1. Sổ sách và tài khoản sử dụng .....	46
1.3.7.2. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	46
1.3.7.3. Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	47
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ.....</b>	<b>48</b>
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ.....	48
2.1.1. Giới thiệu sơ lược về công ty .....	48

2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.	49
2.1.2.1. Thuận lợi .....	49
2.1.2.2. Khó khăn .....	49
2.1.2.3. Định hướng phát triển trong tương lai. ....	50
2.1.3. Những đặc điểm về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	50
2.1.3.1. Đặc điểm của sản phẩm.....	50
2.1.3.2. Quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất.....	50
2.1.3.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức của công ty.....	51
2.1.3.4. Bộ máy công tác kế toán áp dụng tại đơn vị. ....	53
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ .....	56
2.2.1. Đặc điểm công tác bán hàng tại công ty .....	56
2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	57
2.2.2.1. Các chứng từ và tài khoản sử dụng .....	57
2.2.2.2. Quá trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ...	57
2.2.2.3. Ví dụ : .....	58
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ Phần Đình Đô .....	66
2.2.3.1. Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng .....	66
2.2.3.2. Phương pháp hạch toán giá vốn .....	66
2.2.3.3. Quá trình ghi sổ Giá vốn hàng bán .....	66
2.2.3.4. Ví dụ : .....	67
2.2.4. Thực trạng kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	70
2.2.4.1. Các chứng từ và tài khoản sử dụng .....	70
2.2.4.2. Quá trình ghi sổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	71
2.2.4.3. Ví dụ minh họa .....	71
2.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ Phần Đình Đô .....	80
2.2.5.1. Kế toán doanh thu tài chính .....	80
2.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính .....	80
2.2.5.3. Quá trình hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính .....	81
2.2.5.4. Ví dụ minh họa .....	81

2.2.6. Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại Công ty Cổ Phần Đình Đô .....	87
2.2.6.1. Công tác kế toán thu nhập khác .....	87
2.2.6.2. Công tác kế toán chi phí khác .....	87
2.2.6.3. Quá trình ghi sổ thu nhập khác và chi phí khác .....	87
2.2.6.4. Ví dụ minh họa :.....	88
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đình Đô .....	96
2.2.7.1. Chứng từ , tài khoản kế toán sử dụng .....	96
2.2.7.2. Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	96
2.2.7.3 Ví dụ minh họa : Xác định kết quả kinh doanh năm 2011 Công ty Cổ Phần Đình Đô .....	97
<b>CHƯƠNG III : MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ.</b> ....	106
3.1. Nhận xét đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đình Đô . ....	106
3.1.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Đình Đô .....	106
3.1.1.1 Ưu điểm.....	106
3.1.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty .....	108
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đình Đô.....	110
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	110
3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	110
3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	111
3.2.4. Một số đề xuất hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	111
<b>KẾT LUẬN</b> .....	122



**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

<a href="#">Sơ đồ 1.1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp.....</a>	28
<a href="#">Sơ đồ 1.1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.....</a>	29
<a href="#">Sơ đồ 1.1.3: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.....</a>	29
<a href="#">Sơ đồ 1.1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đổi hàng ....</a>	30
<a href="#">Sơ đồ 1.1.5: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ.....</a>	30
<a href="#">Sơ đồ 1.1.6: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu .....</a>	32
<a href="#">Sơ đồ 1.1.7: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu .....</a>	33
<a href="#">Sơ đồ 1.1.8: Hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....</a>	34
<a href="#">Sơ đồ 1.1.9: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX .....</a>	37
<a href="#">Sơ đồ 1.2 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.....</a>	38
<a href="#">Sơ đồ 1.3. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp .....</a>	40
<a href="#">Sơ đồ 1.2.1: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính .....</a>	42
<a href="#">Sơ đồ 1.2.2: Hạch toán chi phí tài chính.....</a>	42
<a href="#">Sơ đồ 1.2.3: Hạch toán thu nhập khác .....</a>	44
<a href="#">Sơ đồ 1.2.4: Hạch toán chi phí khác .....</a>	45
<a href="#">Sơ đồ 1.2.5: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành....</a>	47
<a href="#">Sơ đồ 1.2.6: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....</a>	47
<a href="#">Sơ đồ 2.1. Quy trình sản xuất sản phẩm .....</a>	51
<a href="#">Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty: .....</a>	52
<a href="#">Sơ đồ 2.3: Mô hình tổ chức tại công ty như sau: .....</a>	54
<a href="#">Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty Cổ Phần Đình Đô: .....</a>	56
<a href="#">Sơ đồ 2.5: Ghi sổ doanh thu bán hàng và cung cấp hàng hóa dịch vụ .....</a>	58
<a href="#">Sơ đồ 2.6. Quá trình ghi sổ Giá vốn hàng bán .....</a>	66
<a href="#">Sơ đồ 2.7. Quy trình ghi sổ kế toán.....</a>	71
<a href="#">Sơ đồ 2.8: Quá trình ghi sổ .....</a>	81
<a href="#">Sơ đồ 2.9 : Quá trình ghi sổ thu nhập khác và chi phí khác .....</a>	88
<a href="#">Sơ đồ 2.10 : Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh .....</a>	96

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – 6 chuẩn mực kế toán mới- Nhà xuất bản tài chính năm 2004
2. Hệ thống kế toán doanh nghiệp. Hướng dẫn về chứng từ, sổ sách kế toán.
3. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – PGS. TS Nguyễn Văn Công. Nhà xuất bản tài chính năm 2004.
4. Tài liệu “quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Đình Đô ” cùng những chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.
5. Các tài liệu khác trên Internet

## LỜI CAM ĐOAN

Tên tôi là: Đào Thị Tình

Hiện đang là sinh viên lớp QT1201K bộ môn Quản trị kinh doanh thuộc trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Tôi xin cam đoan như sau:

Những số liệu sau, tài liệu trong báo cáo được thu thập một cách trung thực, nội dung trên chính xác.

Đây là khóa luận nghiên cứu của riêng tôi. Mọi số liệu đều xuất phát từ tình hình thực tế tại Công ty Cổ phần Đình Đô

Vậy tôi xin cam đoan, có gì sai sót tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước bộ môn quản trị kinh doanh và trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

**Người cam đoan**

**Đào Thị Tình**

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
CP	Chi phí
DT	Doanh thu
K/C	Kết chuyển
CT	Công ty
TMCP	Thương mại Cổ Phần
CCDC	Công cụ dụng cụ
NVL	Nguyên vật liệu
TSCĐ	Tài sản cố định



## Lời mở đầu

Quá trình đổi mới cơ chế quản lý từ kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước trong những năm qua đã tạo cho các Doanh nghiệp có cơ hội để khẳng định mình, đồng thời cũng phải đứng trước những thách thức lớn về vấn đề cạnh tranh và phát triển.

Để có thể tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh và với hoàn cảnh nền kinh tế thế giới đang rơi vào khủng hoảng, nợ công châu Âu đang có khuynh hướng lan tràn sang nhiều nước khác trên thế giới, đòi hỏi doanh nghiệp phải có những phương thức kinh doanh đúng đắn để có thể tồn tại và phát triển trong thời kỳ kinh tế khó khăn này. Muốn giải quyết được vấn đề đó các doanh nghiệp không thể không quan tâm đến vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, làm thế nào để tăng Doanh thu, giảm chi phí ? đó thực sự là những câu hỏi luôn thường trực trong đầu các nhà lãnh đạo doanh nghiệp.

Xuất phát từ sự cần thiết của vấn đề đó em đã lựa chọn đề tài “**hoàn thiện công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh**” tại công ty Cổ Phần Đình Đô .

*Mục tiêu nghiên cứu của đề tài* : Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đình Đô để thấy được những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán, từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty .

*Đối tượng và phạm vi nghiên cứu*: Đề tài tập trung nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đình Đô trong năm 2011.

*Nội dung bài luận văn gồm 3 phần:*

Chương 1: Một số khái niệm chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đình Đô .

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đình Đô .

Trong quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận, em đã nhận được sự giúp đỡ và hướng dẫn tận tình của các cán bộ - nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty Cổ Phần Đình Đô và cô giáo – cử nhân (kế toán trưởng) Tô Thúy Hoa . Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế chưa nhiều nên luận văn của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

## **CHƯƠNG I: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

### **1.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

#### **1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất. Các yếu tố doanh thu, chi phí, lợi nhuận là các chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp cần theo dõi, quản lý tốt các yếu tố này nhằm kinh doanh có hiệu quả hơn.

Như vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối kết quả một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập các số liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; qua đó xử lý và cung cấp thông tin giúp cho chủ doanh nghiệp có thể lựa chọn phương án kinh doanh hiệu quả nhất; đồng thời giúp cho các cơ quan thuế giám sát việc chấp hành các chính sách về chế độ kinh tế, tài chính và thuế của doanh nghiệp.

#### **1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .**

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

✓ Phản ánh các ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình thực hiện và sự biến động của từng loại hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

✓ Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời, tránh bị khách hàng chiếm dụng vốn.

✓ Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

✓ Ngoài ra kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, đối với các nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho việc lập các Báo cáo tài chính.

## **1.2. MỘT VÀI NÉT CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

### **1.2.1. Một vài nét chung về doanh thu**

#### **1.2.1.1. Khái niệm**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

#### **1.2.1.2. Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu**

##### *a) Các loại doanh thu*

□ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

*Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn cả 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- ✓ Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch

vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ
- ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó .

□ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty.

□ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*Doanh thu hoạt động tài chính* của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### *b) Phương pháp xác định doanh thu*

✓ Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, cổ tức và lợi tức được quy định tại Chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác".

✓ Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

+ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán.

+ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá bán bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu.

- ✓ Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì doanh thu là số tiền gia

công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

□ **Thu nhập khác:** Thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác gồm các khoản thu: từ thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ; phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; tiền bảo hiểm được bồi thường; các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; các khoản thu khác.

#### ***1.2.1.3. Vai trò, vị trí của doanh thu trong doanh nghiệp***

✓ Doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải số vốn đã bỏ ra như chi phí về tiền lương, tiền thưởng cho người lao động, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước.

✓ Doanh thu cao nghĩa là quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tốt, góp phần làm tăng tốc độ chu chuyển vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

✓ Nếu doanh thu của doanh nghiệp không đủ để trang trải những khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính, nếu tình trạng này kéo dài doanh nghiệp sẽ không còn đủ sức để tồn tại và dẫn đến phá sản.

#### ***1.2.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu***

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính.

**Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do khách hàng đã mua hàng hóa sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

**Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận thanh toán) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách ghi trong hợp đồng ....

**Giảm giá hàng bán:** Là khoản người bán giảm trừ cho người mua vì lý do như: hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn giao hàng ghi trong hợp đồng....

**Các khoản giảm trừ doanh thu khác như :** thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt. Đây là các khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu và nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó .

Doanh thu thuần được tính theo công thức:

*Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng – chiết khấu thương mại – doanh thu hàng bán bị trả lại – giảm giá hàng bán - thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp, thuế GTGT không được khấu trừ*

## 1.2.2. Chi phí

### 1.2.2.1. Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định .

### 1.2.2.2. Các loại chi phí trong doanh nghiệp

#### □ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ .

#### □ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm : chi phí nhân viên, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

#### □ **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành, chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau: chi phí nhân viên quản lý, chi phí công cụ quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

#### □ **Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái ...

#### □ **Chi phí khác**

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ qua từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm : chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có); chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, đầu tư dài hạn khác; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế; các khoản chi phí khác ...

#### □ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành



và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận của một kỳ. Trong đó:

✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc thu trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành .

### **1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### **1.2.3.1. Khái niệm**

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác .

#### **1.2.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

✓ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

✓ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

✓ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập hoạt động khác và chi phí hoạt động khác .

#### **1.2.3.3. Ý nghĩa, vai trò của việc xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với các nhà đầu tư với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

## **1.3 NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

### **1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **1.3.1.1. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng**

##### *a) Chứng từ kế toán sử dụng*

Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường Mẫu số 01 GTKT-3LL)
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 02 GTT-3LL)
- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng.
- Chứng từ liên quan khác: phiếu kế toán, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng hóa bị trả lại .

##### *b) Sổ sách kế toán sử dụng*

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Báo cáo bán hàng
- Sổ cái TK 511, TK 512
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

##### *c) Tài khoản sử dụng*

Để phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

□ Tài khoản 511 ( Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ) tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

✓ Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

✓ Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê

TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 5 tài khoản cấp 2*

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

□ Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ : tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

*Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2*

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

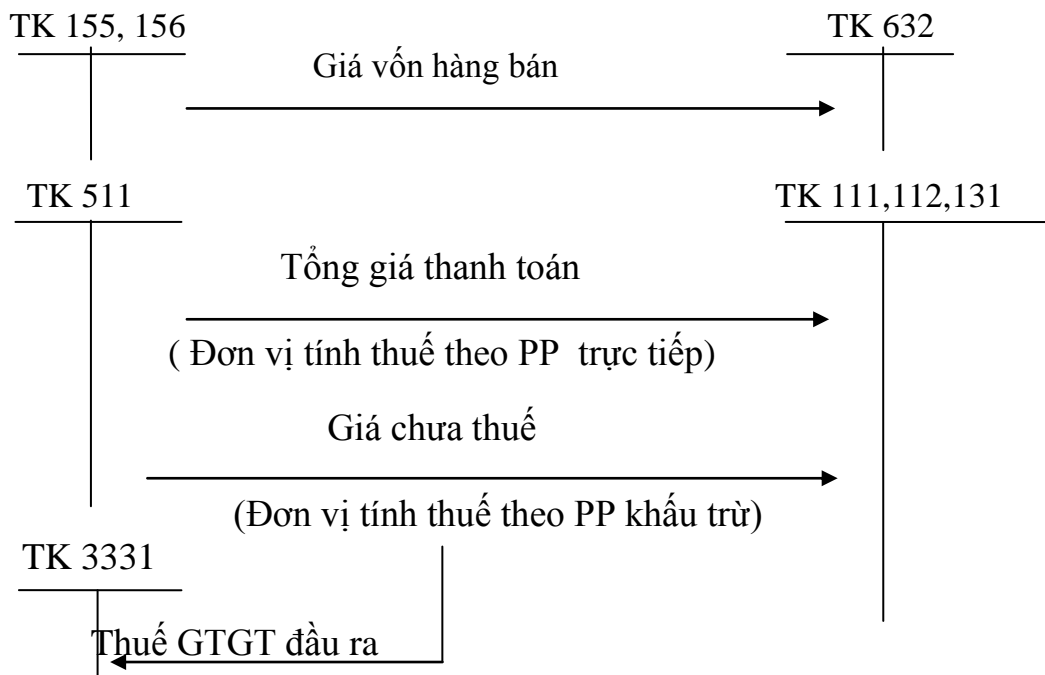
□ Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp chi tiết theo TK 33311: Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá, số thuế GTGT phải nộp, đã nộp, còn phải nộp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 131...

### ***1.3.1.2. Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

#### **a) Trường hợp 1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng, kê vào hóa đơn bán hàng, số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

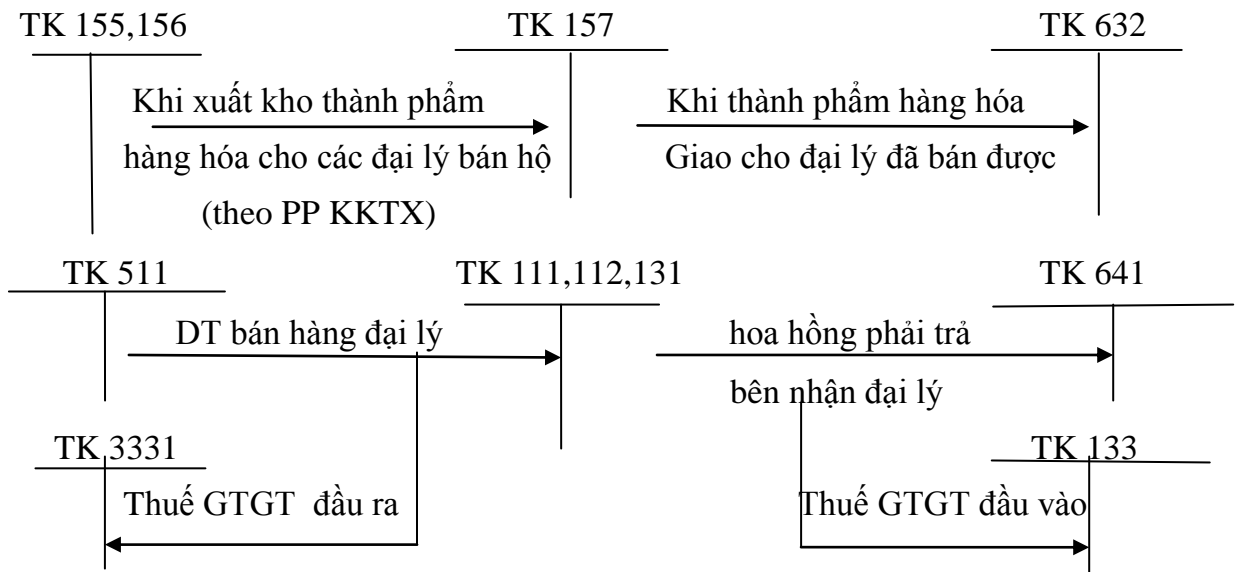
**Sơ đồ 1.1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp****b) Trường hợp 2: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng qua đại lý.**

Là phương thức mà bên giao đại lý xuất hàng cho bên nhận đại lý để bán, bên nhận đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

✓ Đối với bên giao đại lý: doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và hạch toán vào TK 641.

✓ Đối với bên nhận đại lý: Số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp có trách nhiệm bảo quản, bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã kê.

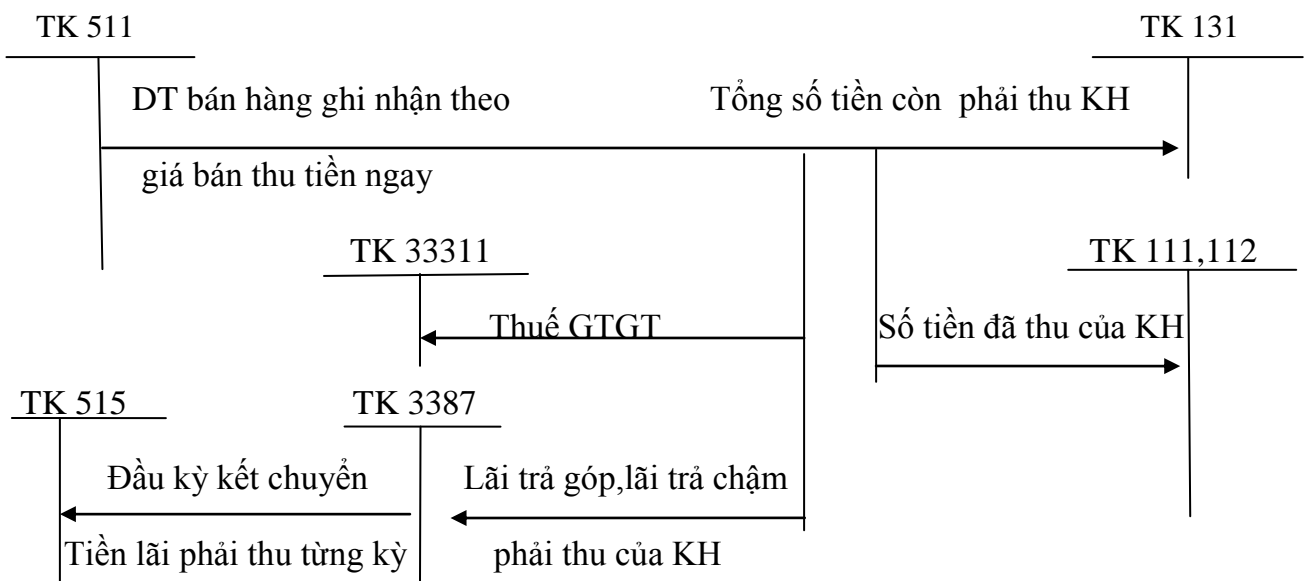
**Sơ đồ 1.1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**



**c) Trường hợp 3: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua xong thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

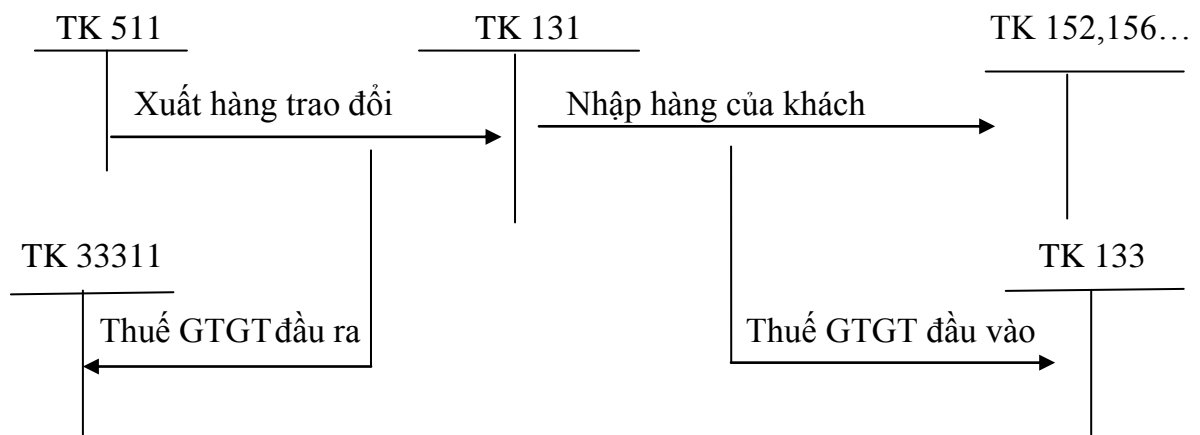
**Sơ đồ 1.1.3: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp**



**d) Trường hợp 4: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng**

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

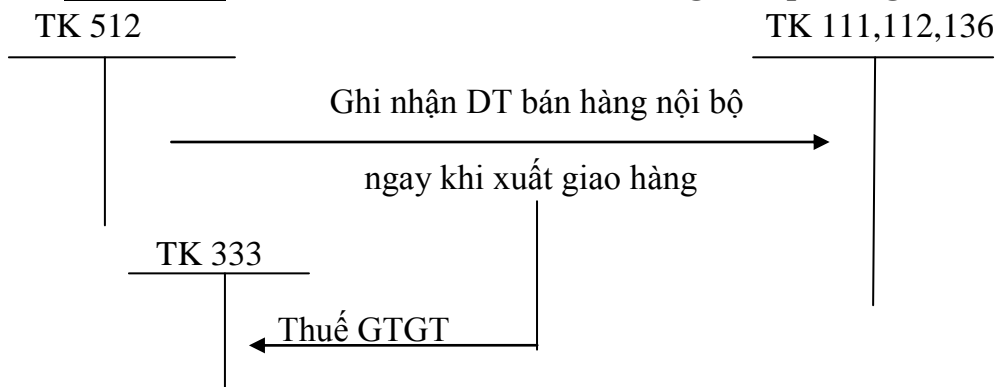
**Sơ đồ 1.1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đổi hàng**



**e) Trường hợp 5: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty, tổng công ty.

**Sơ đồ 1.1.5: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ**



### **1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu phải được kế toán phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản phù hợp để lập báo cáo tài chính .

#### **1.3.2.1. Tài khoản sử dụng**

##### **a) Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại**

*TK 521 không có số dư cuối kỳ và gồm 3 tài khoản cấp 2*

- ✓ TK 5211 - Chiết khấu hàng hóa
- ✓ TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm
- ✓ TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

##### **b) Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại**

##### **c) Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán**

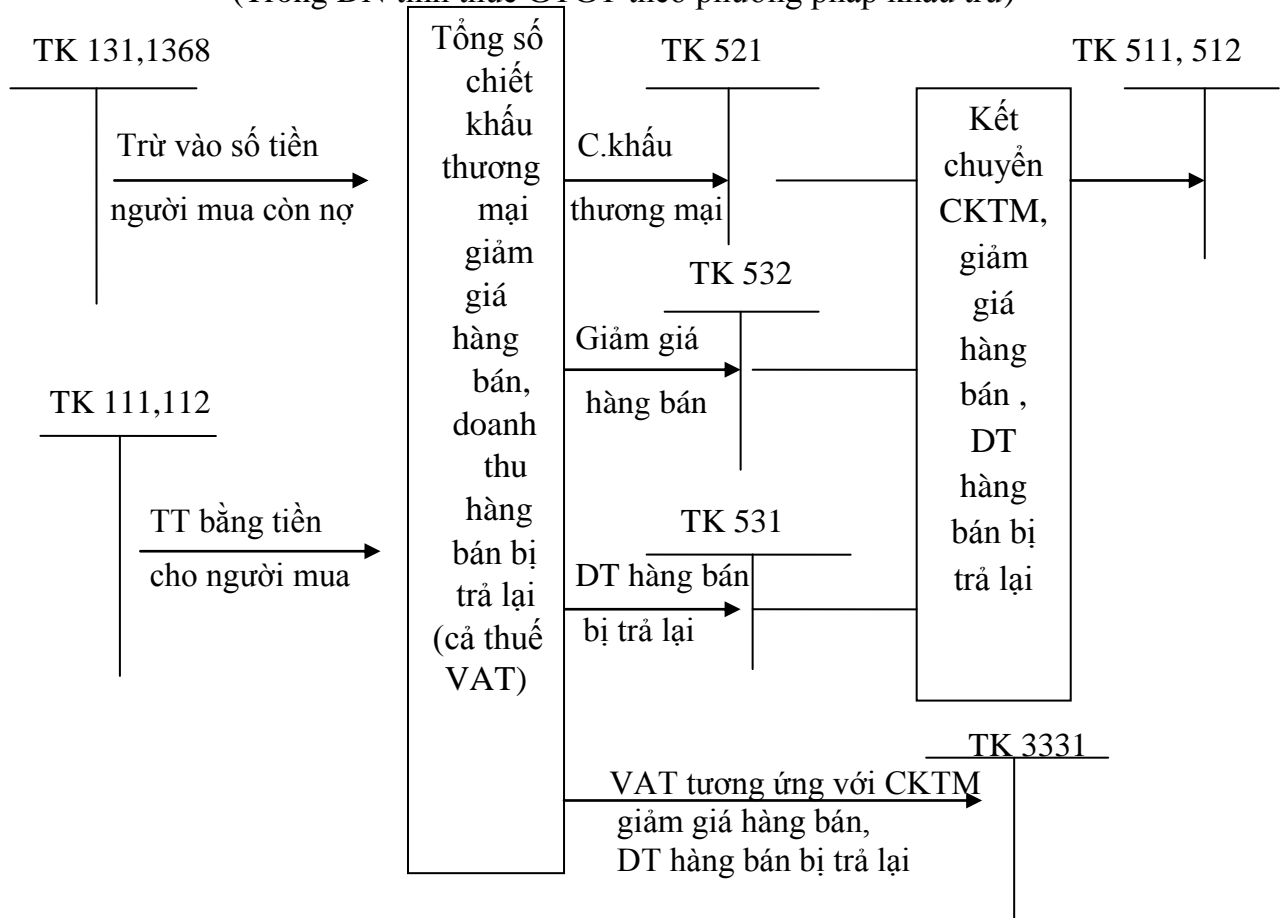
##### **d) Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

- ✓ Thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp sử dụng TK 3331
- ✓ Thuế TTĐB: sử dụng TK 3332
- ✓ Thuế xuất khẩu: sử dụng TK 3333

**1.3.2.2. Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**Sơ đồ 1.1.6: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

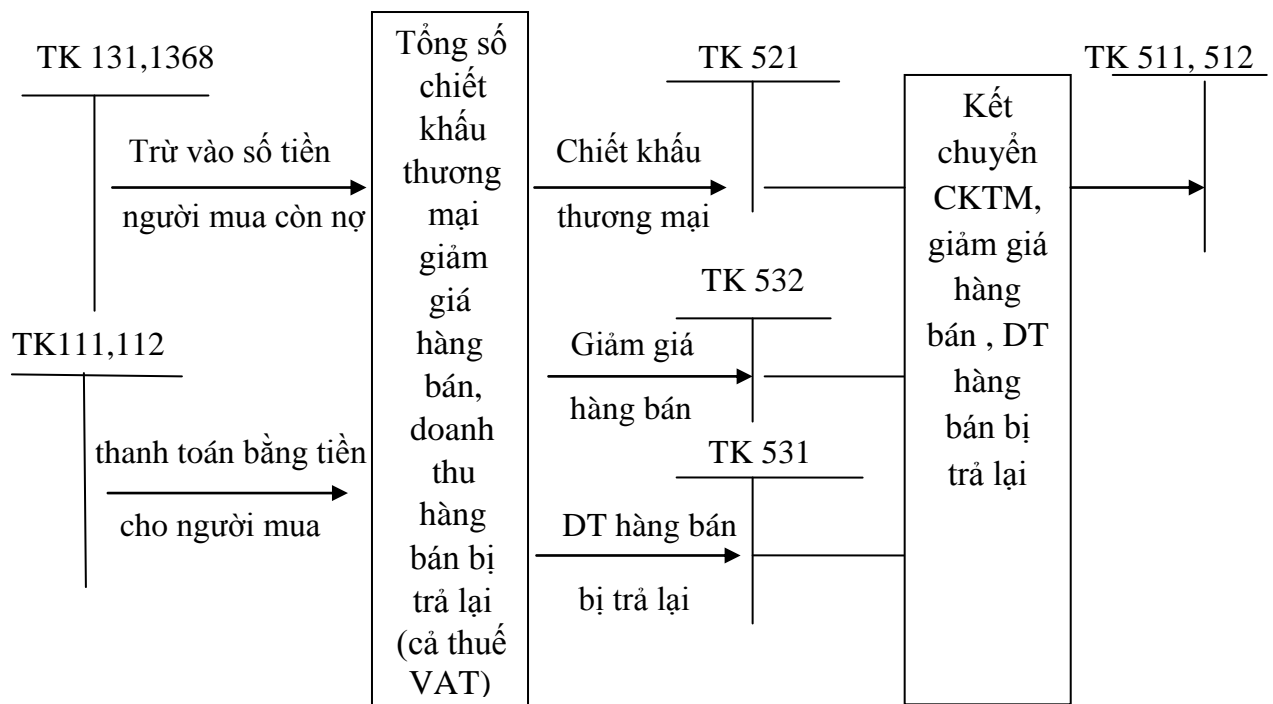
(Trong DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



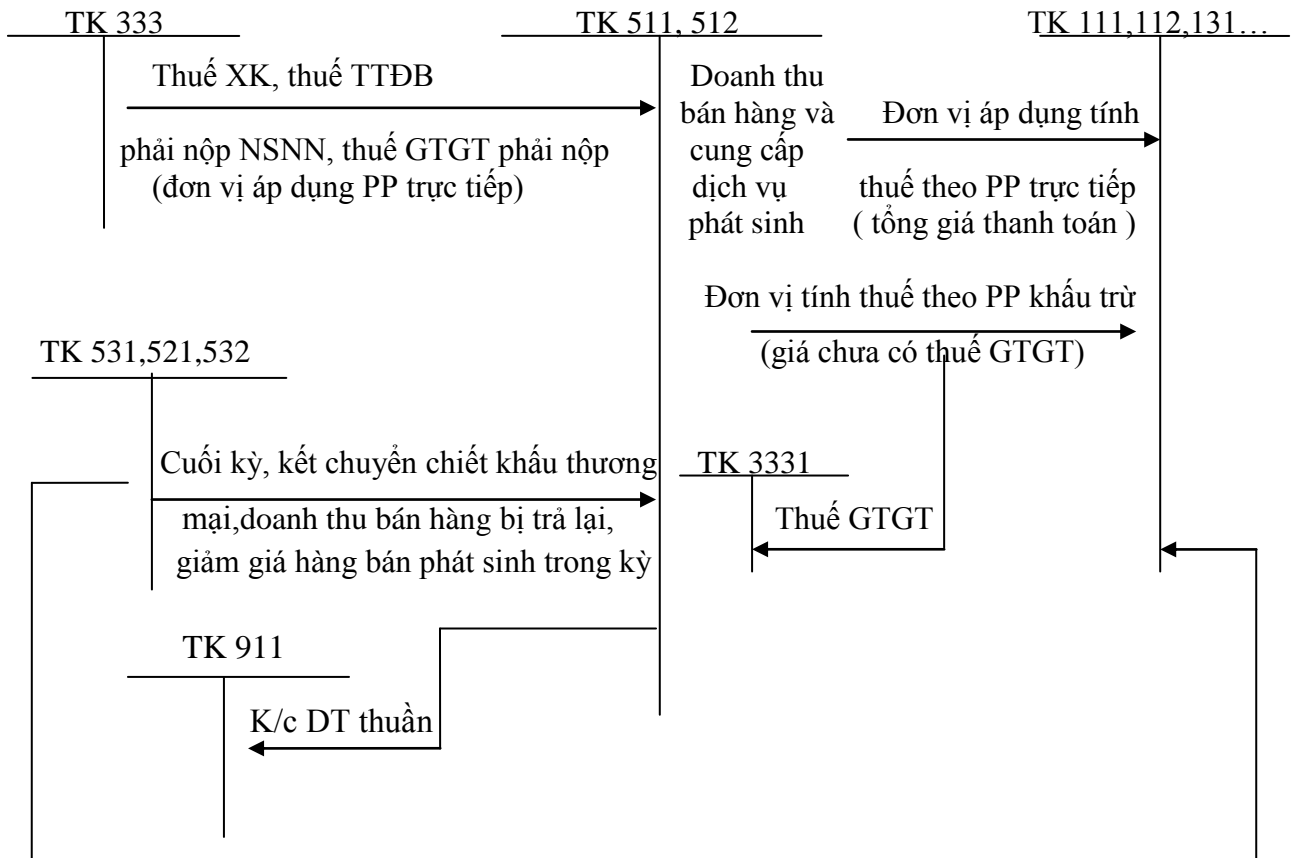


**Sơ đồ 1.1.7: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

(Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo PP trực tiếp)



**Sơ đồ 1.1.8: Hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu**



**1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

**1.3.3.1. Các phương pháp tính trị giá vốn hàng bán**

Theo Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho, ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001, việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau :

**a) Phương pháp tính theo giá đích danh**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó .

**b) Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức :

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

✓ Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ :

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

✓ Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn)

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế hàng hóa tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn sau lần nhập } i}$$

### c) Phương pháp nhập trước - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

### d) Phương pháp nhập sau - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên .

### 1.3.3.2. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

a) Các chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 - VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 - VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 - VT)
- Hóa đơn GTGT ( Mẫu số 01 GTKT - 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02 GTTT - 3LL)

b) Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung , sổ cái tài khoản 155, 156, 632, bảng cân

đổi số phát sinh, báo cáo tài chính.

c) *Tài khoản sử dụng* : Kế toán sử dụng các TK chủ yếu sau: TK 155 - Thành phẩm, TK 156 - Hàng hóa, TK 157 - Hàng gửi đi bán, TK 611 - Mua hàng (áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK )

### ***1.3.3.3. Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX)***

Phương pháp KKTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập - xuất.

Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán .





### 1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 1.3.4.1. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

a) Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy báo nợ

b) Sổ sách kế toán sử dụng : sổ nhật ký chung , sổ chi tiết tài khoản 641, 642 , sổ cái tài khoản 641, 642 , bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính .

c) Tài khoản kế toán sử dụng

**Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng**

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

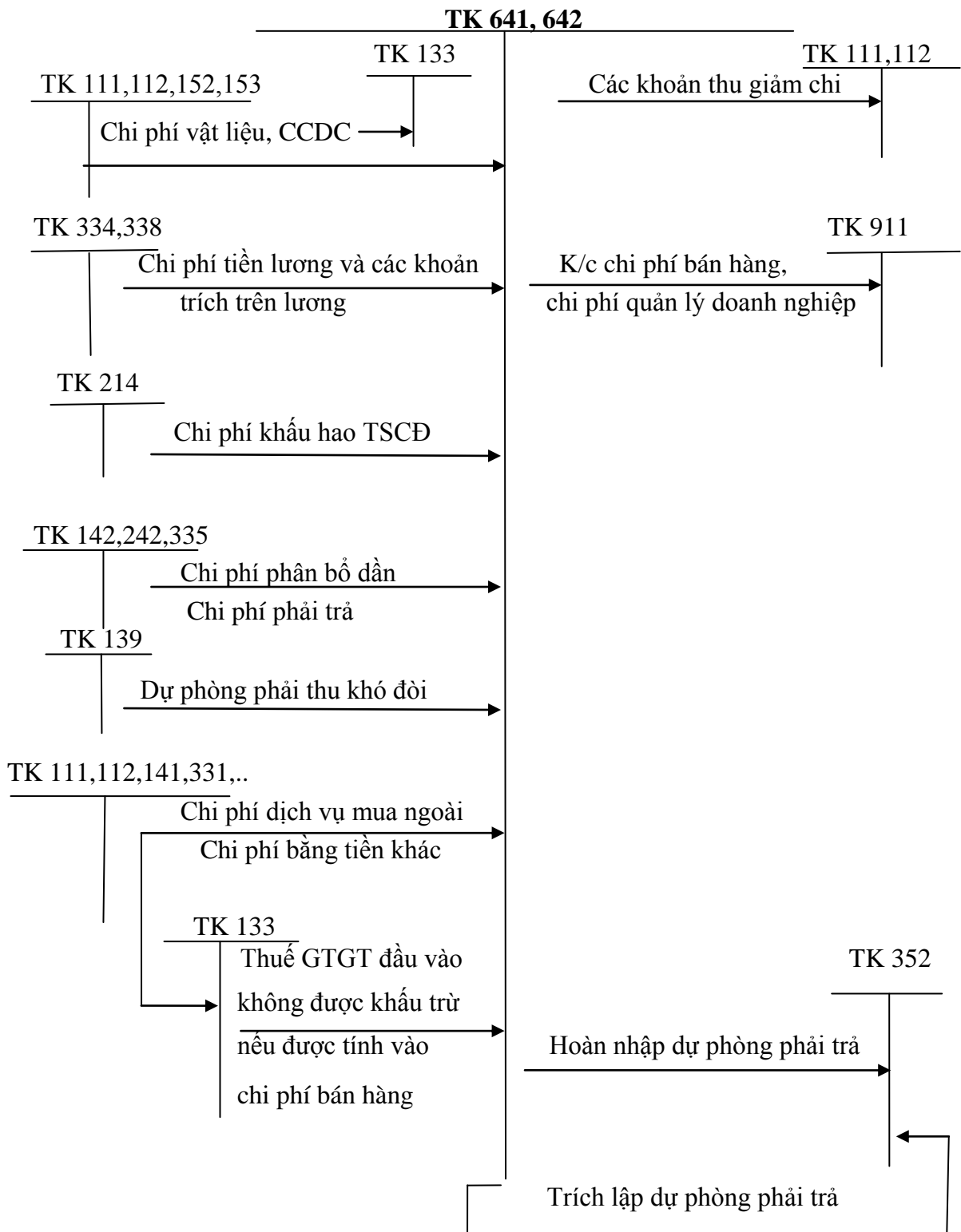
**Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

**1.3.4.2. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Sơ đồ 1.3. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**





### 1.3.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

#### 1.3.5.1. Các chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

a) Chứng từ : giấy báo nợ, giấy báo có của Ngân hàng , phiếu kế toán ....

b) Sổ sách sử dụng : Nhật ký chung , sổ cái các tài khoản 515, 635 , bảng cân đối số phát sinh , báo cáo tài chính .

c) Tài khoản sử dụng

##### Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*Doanh thu hoạt động tài chính gồm:*

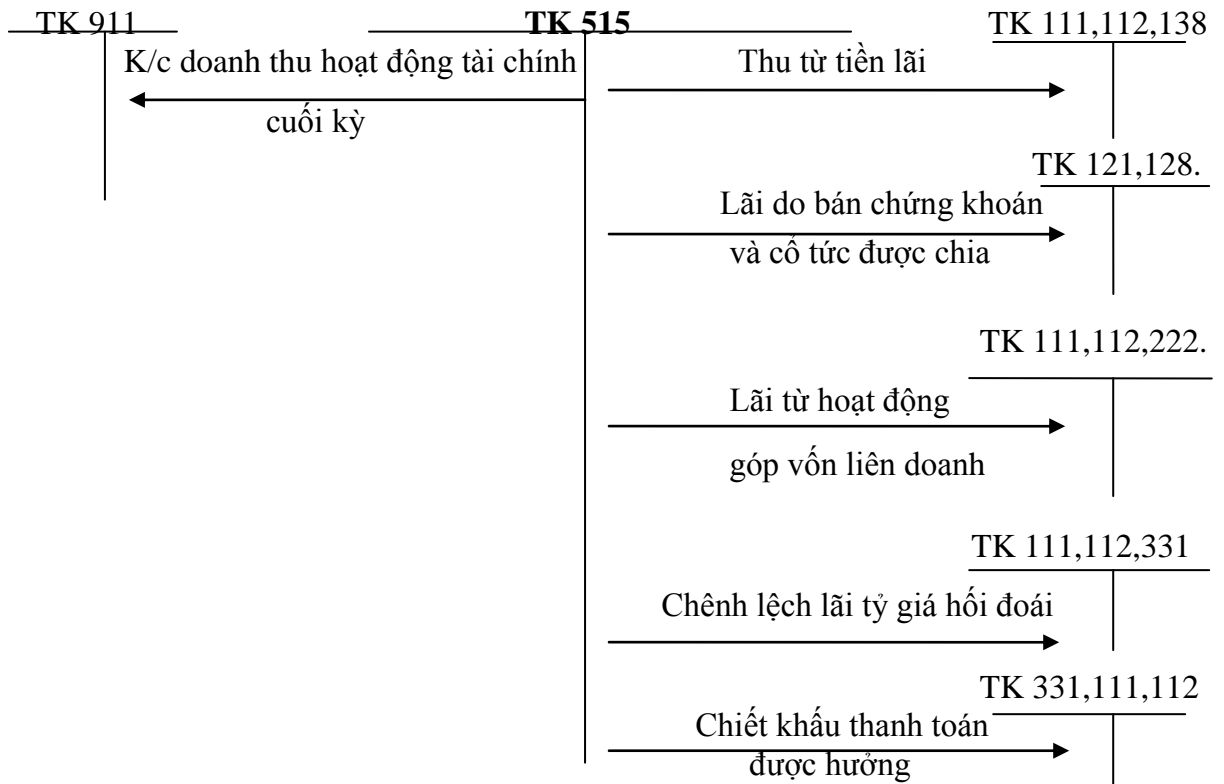
- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Lãi tỷ giá hối đoái.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác...

##### Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

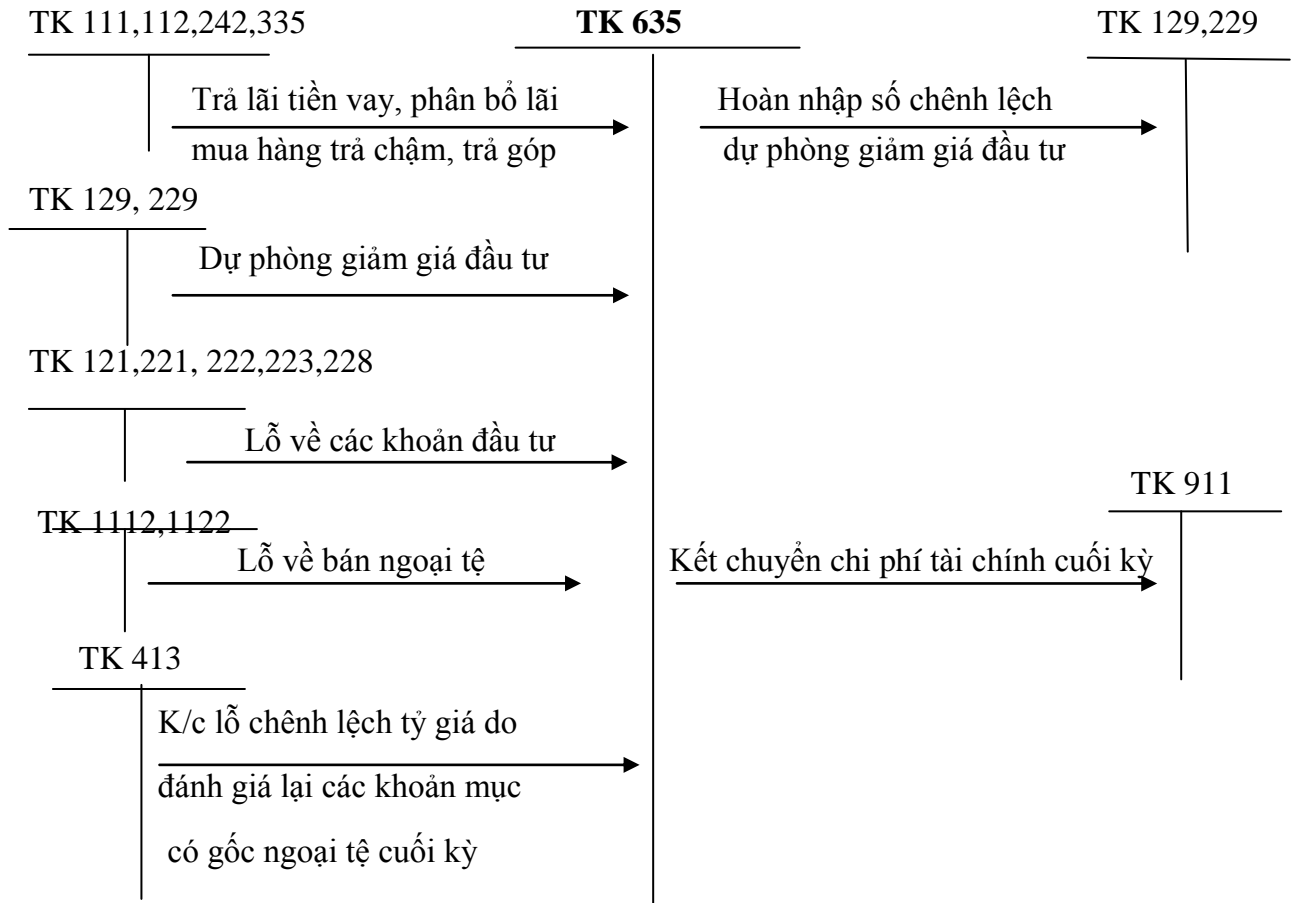
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái...

#### 1.3.5.2. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

**Sơ đồ 1.2.1: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**



**Sơ đồ 1.2.2: Hạch toán chi phí tài chính**



### **1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

#### **1.3.6.1. Các sổ sách và tài khoản sử dụng**

a) Chứng từ: Hóa đơn GTGT, phiếu thu, chi, GBN, GBC, phiếu kế toán ...

b) Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản 711, 811
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

c) Tài khoản sử dụng

#### **□ Tài khoản 711 - Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu nhập quà biếu, quà tặng của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên....

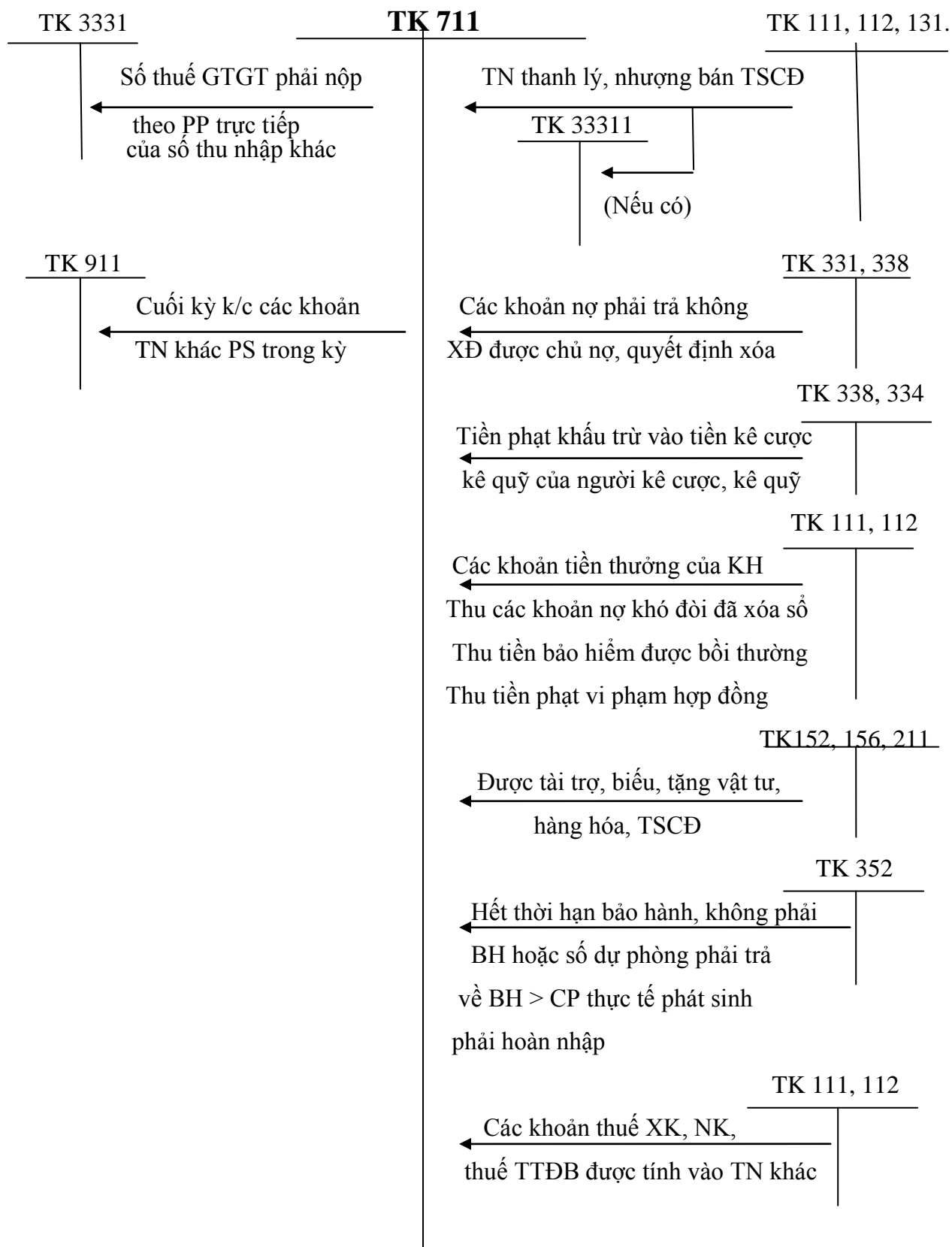
#### **□ Tài khoản 811 - Chi phí khác**

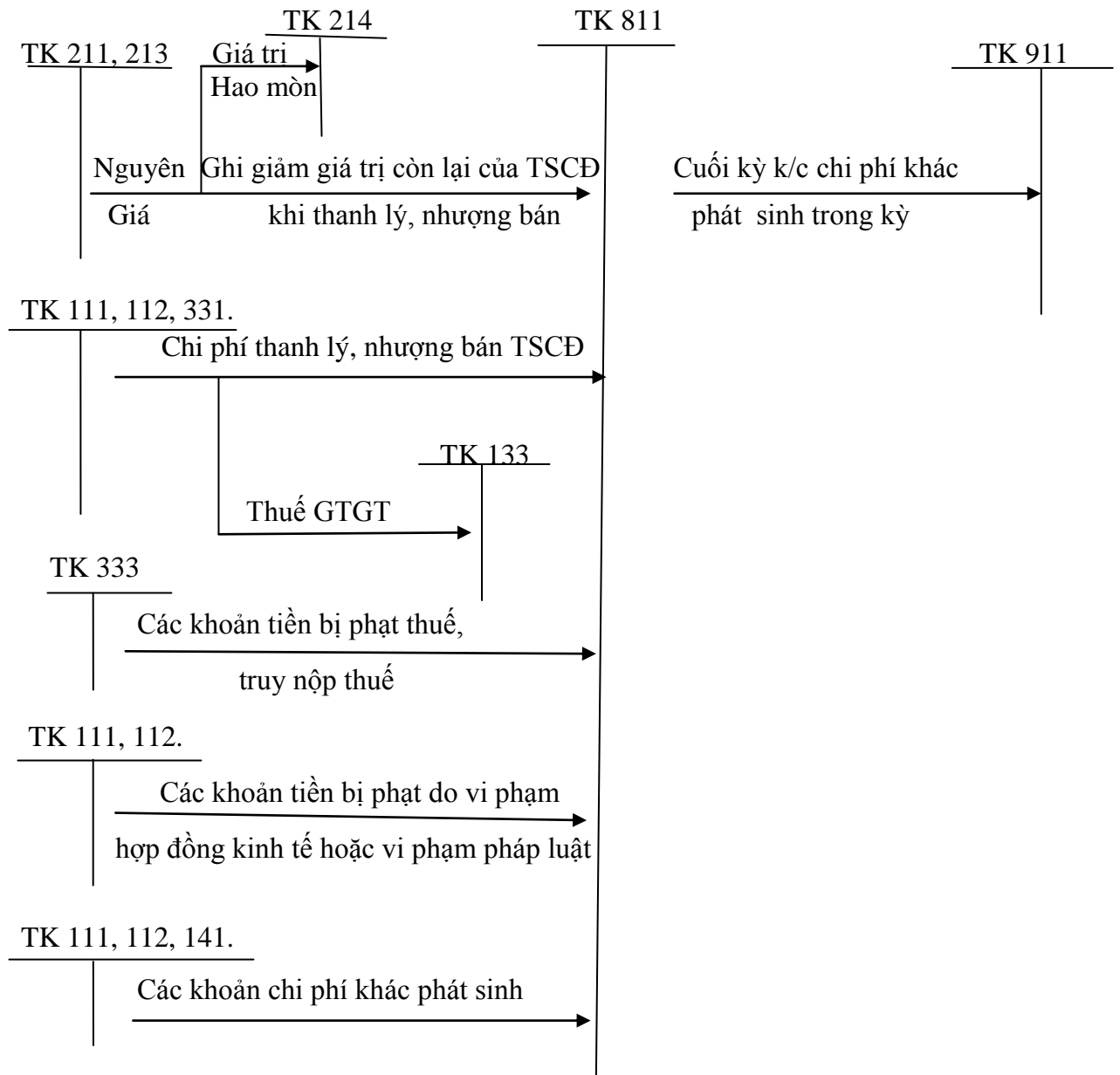
Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Các khoản chi phí khác...

#### **1.3.6.2. Phương pháp hạch toán doanh thu khác và chi phí khác**

**Sơ đồ 1.2.3: Hạch toán thu nhập khác**

**Sơ đồ 1.2.4: Hạch toán chi phí khác****1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mọi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường và là mục tiêu cuối cùng của hoạt động kinh doanh. Kết quả kinh doanh tốt là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh, khẳng định vị thế của mình trên thương trường. Kết quả không tốt do trình độ quản lý thấp, không có năng lực trong kinh doanh, sẽ làm cho hoạt động của doanh nghiệp bị đình trệ và cuối cùng đi đến phá sản.

**1.3.7.1. Sổ sách và tài khoản sử dụng**

a) *Sổ sách sử dụng* : Nhật ký chung , sổ cái tài khoản 511, 512, 515, 632, 641, 642, 711, 811, 821, 911, 421. , bảng cân đối số phát sinh , báo cáo tài chính .

b) *Tài khoản sử dụng*

□ **TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh** : TK này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

□ **TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối** : TK này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả} & & \text{kết quả hoạt} & & \text{kết quả hoạt} & & \text{kết quả hoạt} \\ \text{kinh doanh} & = & \text{động kinh doanh} & + & \text{động tài chính} & + & \text{động khác} \end{array}$$

**1.3.7.2. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Để hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán sử dụng

□ **Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**: tài khoản này được dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

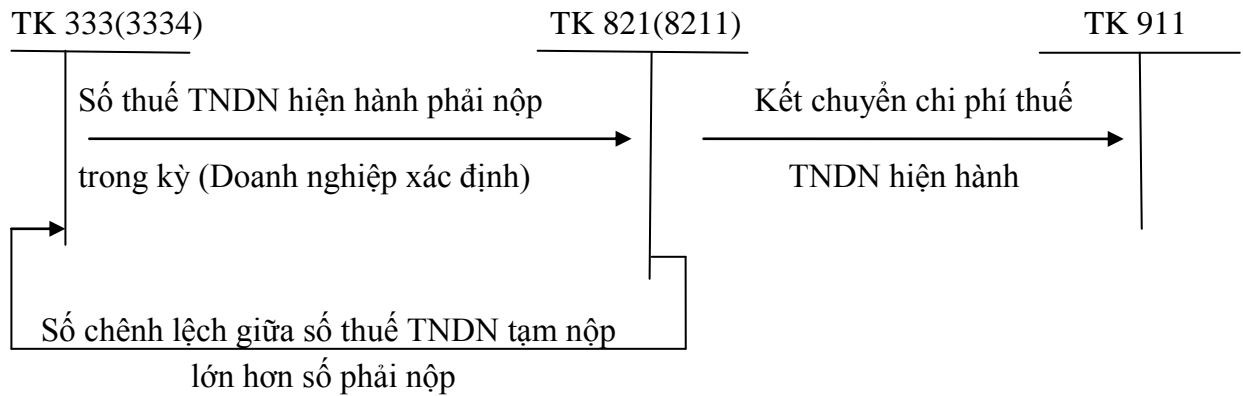
Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất.

Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập} & & \text{DT để tính} & & \text{Cp hợp lý} & & \text{thu nhập} \\ \text{chịu thuế trong} & = & \text{thu nhập chịu thuế} & - & \text{trong năm} & + & \text{chịu thuế khác} \\ \text{năm tính thuế} & & \text{trong năm tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{trong năm tính thuế} \end{array}$$

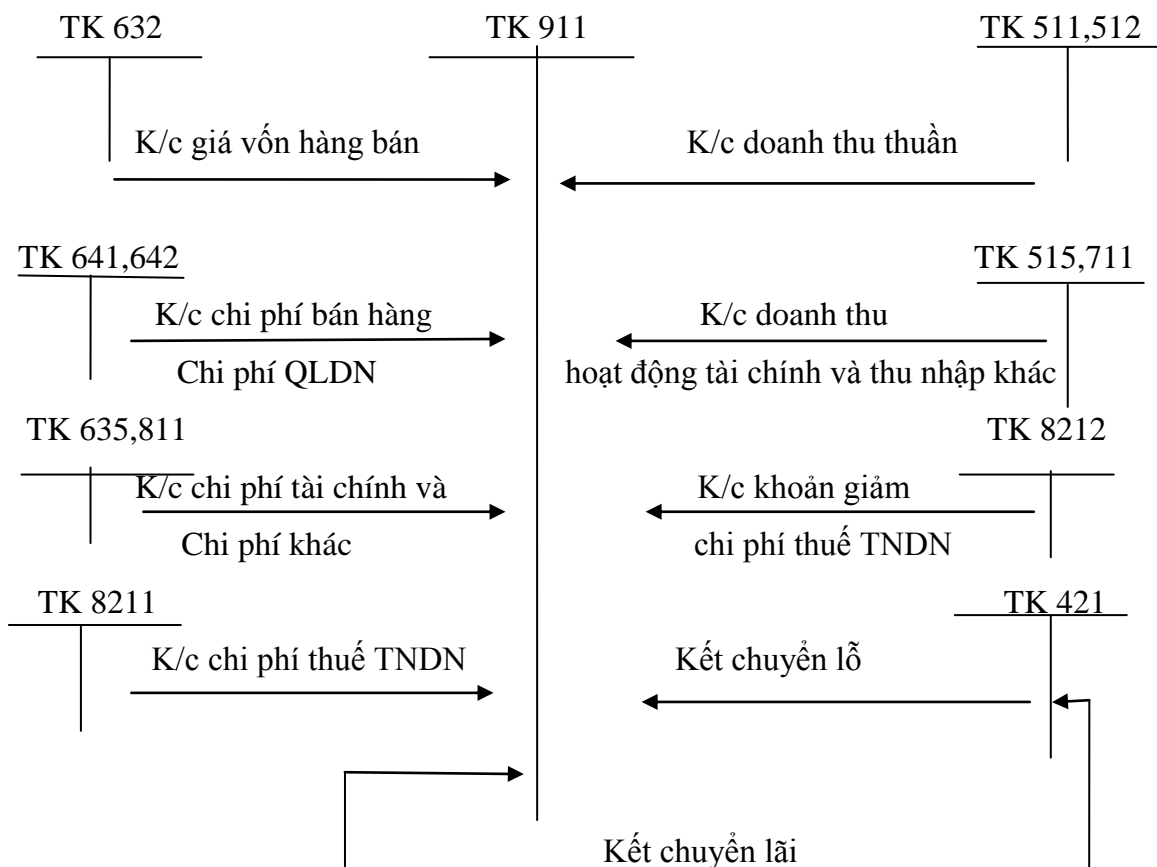
$$\begin{array}{ccc} \text{Chi phí thuế} & & \text{Thu nhập} \\ \text{thu nhập} & = & \text{chịu thuế trong} \\ \text{doanh nghiệp} & & \text{năm tính thuế} \end{array} * \begin{array}{c} \text{thuế suất} \\ \text{thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

**Sơ đồ 1.2.5: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**



**1.3.7.3. Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

**Sơ đồ 1.2.6: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh**



**CHƯƠNG 2:****THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ****2.1.1. Giới thiệu sơ lược về công ty***a) Quá trình hình thành và phát triển*

Công ty Cổ Phần Đình Đô có tiền thân là Công ty TNHH cơ khí và thiết bị tàu thủy Đình Đô, chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH sang Công ty Cổ Phần từ năm 2008. Công ty được thành lập căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp .

Công ty Cổ Phần Đình Đô là một doanh nghiệp cổ phần có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc , có tài khoản mở tại ngân hàng ...

*b) Thông tin về Công ty*

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ Phần Đình Đô
- Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đồng , An Dương , Hải Phòng
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Công ty Cổ Phần Đình Đô được thành lập theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202001507 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải phòng cấp ngày 28-4-2003.
- Điện thoại: 031.3574891                      Fax: 031.3574891
- Vốn điều lệ : 10.080.000.000 đ
- Công ty đăng ký kinh doanh các loại hình sau:  
*Lĩnh vực kinh doanh chính:* sản xuất, lắp đặt, sửa chữa kinh doanh các loại tời, xích, neo tàu thủy sông biển và tời công trình xây dựng  
*Ngoài ra còn kinh doanh những lĩnh vực như :* sản xuất hàng cơ khí, sửa chữa, lắp ráp ô tô, kinh doanh sơn các loại, kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, nhà ở, trang trí sửa chữa nội thất, dịch vụ vận tải, hàng hoá thủy bộ....
- Người đại diện theo pháp luật của công ty  
Họ và tên : Đào Thị Thu Vân                      Chức danh : giám đốc                      Giới tính : nữ



SN : 21/09/1974

Dân tộc : kinh

Quốc tịch : Việt Nam

Thường trú tại số 12 lô 6 - PG An Đồng - An Dương - Hải Phòng

*c) Những thành tích cơ bản của doanh nghiệp*

- Dù mới thành lập được 7 năm nhưng công ty đã có chỗ đứng trong nền kinh tế trong nước. Lương của công nhân không ngừng được cải thiện, đóng góp vào ngân sách Nhà nước số tiền không nhỏ thể hiện trong bảng tóm lược một số chỉ tiêu của công ty trong 2 năm gần đây :

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
1. Doanh thu	111.335.093.477	117.779.244.564
2. Giá vốn	99.803.943.519	105.580.663.778
3. Lương BQ CNV	2.580.232	2.990.022
4. Thuế nộp ngân sách nhà nước	1.686.544.121	1.758.613.870

**2.1.2. Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động****2.1.2.1. Thuận lợi**

- Hải Phòng – thành phố cảng với ngành đóng tàu phát triển nhất miền Bắc. Đây cũng là thị trường thích hợp cho những sản phẩm về công nghiệp đóng tàu và các dịch vụ về sửa chữa tàu.
- Nền kinh tế Việt Nam ngày càng có nhiều tiến bộ, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Đặc biệt kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO thì vị trí của nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.
- Việc mở rộng nền kinh tế của nước ta cũng đồng nghĩa với việc công ty có thể đi tắt đón đầu trong chuyển giao công nghệ, từ đó nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

**2.1.2.2 Khó khăn**

Trong xu thế hội nhập hiện nay các doanh nghiệp luôn phải tìm cách để mở rộng địa bàn sang các tỉnh, thành phố, khu vực và cả sang thị trường quốc tế nhằm chiếm lĩnh thị phần , tạo chỗ đứng trên thương trường. Đây chính là vấn đề khó đòi hỏi doanh nghiệp luôn phải nỗ lực để tồn tại và phát triển.

Bên cạnh đó doanh nghiệp mới thành lập được 7 năm, uy tín còn chưa cao, chất lượng đội ngũ lao động có trình độ cao còn hạn chế.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều đối thủ trên thị trường. Đặc biệt là những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, có vốn đầu tư lớn và trình độ khoa học kỹ thuật hiện đại thực sự là những thách thức lớn đối với doanh nghiệp.

### *2.1.2.3 Định hướng phát triển trong tương lai.*

Để doanh nghiệp tiếp tục đứng vững trên thị trường và phát triển mạnh hơn nữa, doanh nghiệp đã đề ra các phương hướng sau tiếp tục giữ vững và phát triển các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

Sắp xếp lại lao động các bộ phận, cân đối lại lao động hợp lý cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

Đầu tư trang thiết bị, máy móc thiết bị dùng cho quản lý, cho sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả công việc. Bên cạnh đó phải có kế hoạch và chiến lược đào tạo con người như nâng cao năng lực quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động.

### **2.1.3. Những đặc điểm về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty**

#### **2.1.3.1. Đặc điểm của sản phẩm**

- Sản phẩm chính của Công ty Cổ Phần Đình Đô là các loại tời công nghiệp dùng trong tàu thủy sông biển và công trình xây dựng, xích, neo....
- Ngoài ra công ty cũng kinh doanh những hàng hóa như : Ma ní ren, ma ní Trung Quốc, dao chặt xích...

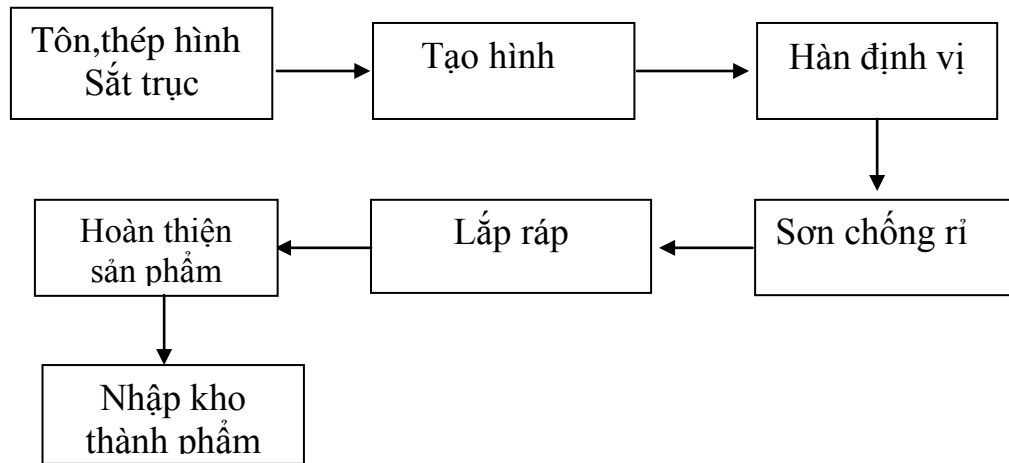
#### **2.1.3.2. Quy trình công nghệ và tổ chức sản xuất**

Ở đây em xin đề cập đến quy trình sản xuất tời công nghiệp–sản phẩm chủ yếu của Công ty.

Khi nói đến sản xuất kinh doanh thì đó là quá trình từ khâu đưa nguyên liệu, vật liệu đầu vào → để sản xuất → tạo ra sản phẩm → đem ra thị trường bán cho khách hàng. Sản phẩm đó phải đảm bảo được những yêu cầu về chất lượng, hình thức và giá cả.

Mỗi chi tiết sản phẩm do nhiều phân xưởng chế tạo, sau đó mới tập hợp lắp ráp để hoàn thành sản phẩm hoàn chỉnh .

### Sơ đồ 2.1. Quy trình sản xuất sản phẩm

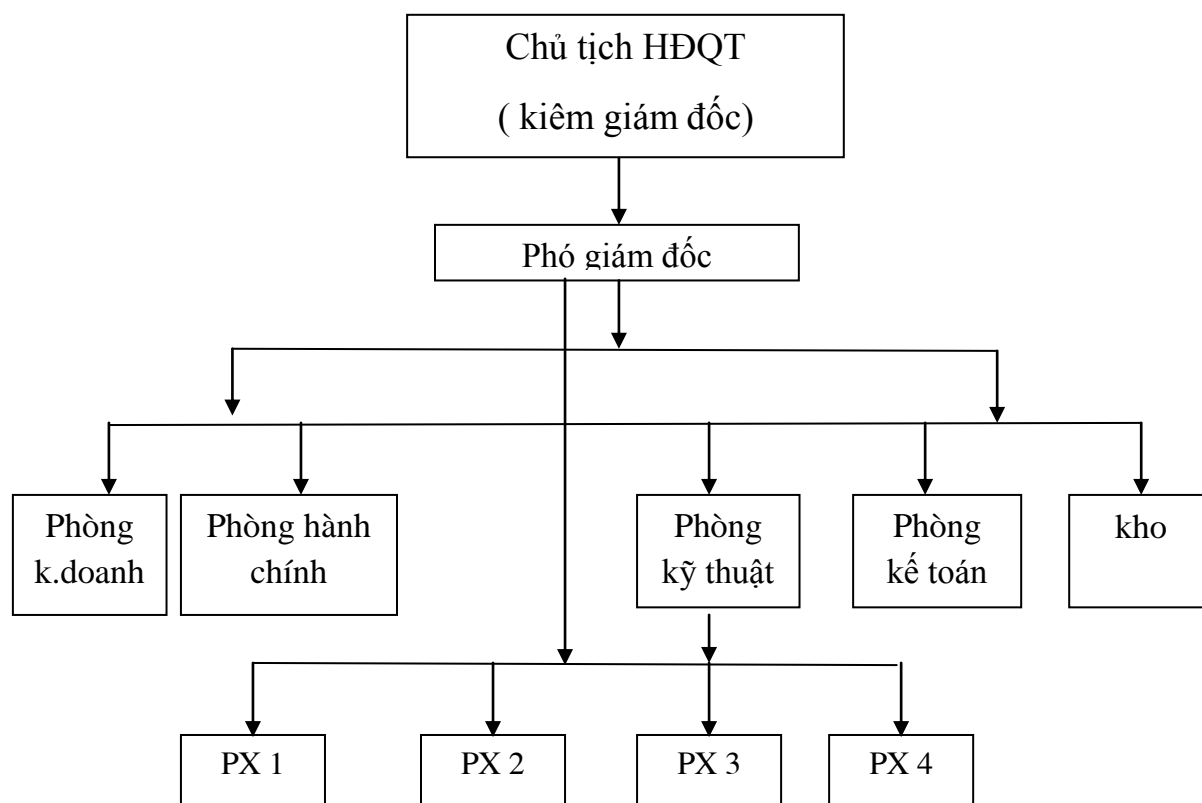


*Đặc điểm tổ chức sản xuất và kết cấu sản xuất:* xuất phát từ chức năng ngành nghề được cấp giấy phép kinh doanh căn cứ vào quy trình công nghệ chế tạo sản phẩm, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra mô hình sản xuất như sau:

- + Phân xưởng A1: chế tạo ra hộp số, bộ đế, bánh răng hộp số, trục theo thiết kế từ tôn, thép hình.
- + Phân xưởng A2: ghép các mạch chi tiết tôn, bánh răng, sắt trục tạo thành bán thành phẩm.
- + Phân xưởng A3: sơn chống rỉ.
- + Phân xưởng A4: nhận các bán thành phẩm để lắp ráp hoàn chỉnh và nhập kho thành phẩm các sản phẩm

#### **2.1.3.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức của công ty**

Để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả thì công ty cần phải có bộ máy quản lý phù hợp với điều kiện sản xuất của. Công ty đã xây dựng bộ máy như sau:

**Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty:****Trong đó chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong công ty:****\* Ban giám đốc**

- Giám đốc : chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể người lao động về kết quả SXKD của toàn Công ty. Điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch đề ra. Chấp hành nghị quyết lãnh đạo của Đảng – nghị quyết của đại hội công nhân viên chức, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và cán bộ CNV trong công ty về quản lý tài sản , lao động vật tư tiền vốn, bảo đảm an ninh trật tự an toàn lao động cho toàn công ty , làm tốt công tác đối nội, đối ngoại, không ngừng chăm lo đến đời sống của người lao động .

- Phó giám đốc : chịu trách nhiệm giúp giám đốc theo những công việc chuyên trách được phân công: chỉ đạo khâu sản xuất, tham mưu cho giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, cân đối lao động trong công ty, chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng kế hoạch. Thay quyền giám đốc đi vắng khi có ủy quyền .

**\* Các phòng chức năng**

- ✓ Phòng kinh doanh : có chức năng tung ra các chiến lược kinh doanh, chọn thị trường theo dõi khách hàng và mua vật tư để phục vụ sản xuất.
- ✓ Phòng hành chính : quản lý nhân sự, theo dõi và làm thủ tục bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên trong công ty.
- ✓ Phòng kế toán : thực hiện thu chi hàng ngày , đối chiếu công nợ với phòng kinh doanh , thủ tục Ngân hàng , lập BCTC.

+ Chức năng: tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán, xúc tiến huy động tài chính và quản lý công tác đầu tư tài chính, thực hiện và theo dõi công tác tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập, chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty...

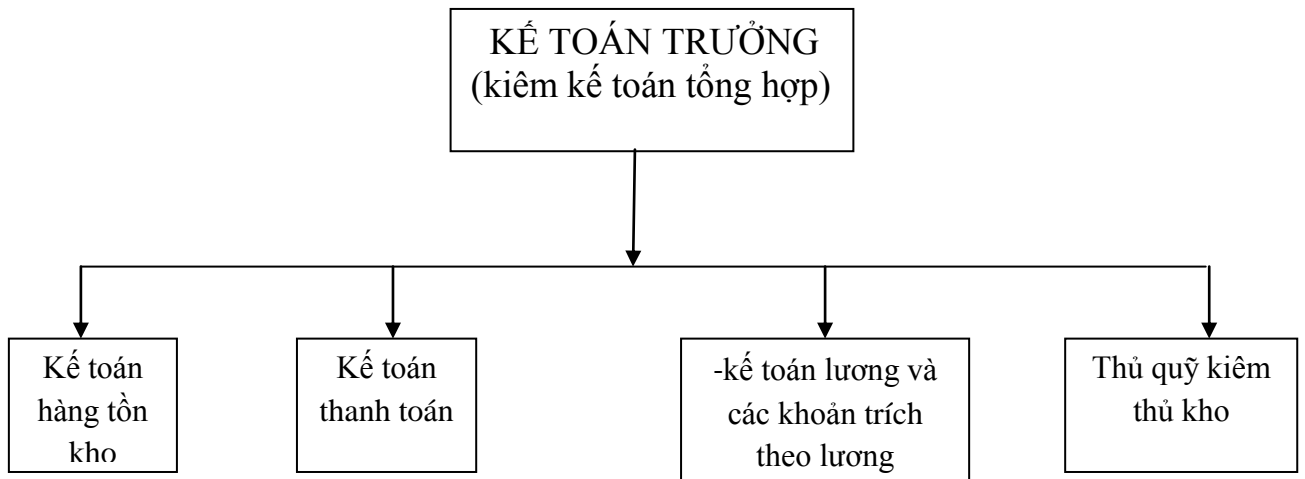
+ Nhiệm vụ: Thực hiện công tác tài chính trong Công ty, thực hiện công tác kế toán thống kê .

- ✓ Phòng kỹ thuật: lập kế hoạch sản xuất, đi sâu cải tiến kỹ thuật, chỉ đạo sản xuất để sản phẩm ngày càng hoàn thiện.
- ✓ Kho : tồn kho, nhập và xuất hàng .
- ✓ Các phân xưởng : trực tiếp sản xuất làm ra thành phẩm .

#### **2.1.3.4. Bộ máy công tác kế toán áp dụng tại đơn vị.**

##### **★ Hình thức tổ chức bộ máy kế toán của công ty.**

Mô hình bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phòng kế toán gồm 5 người .

**Sơ đồ 2.3: Mô hình tổ chức tại công ty như sau:****Chức năng nhiệm vụ của từng vị trí:**

- ✓ Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trực tiếp trước công ty về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng tài chính kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên kế toán tại công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ lập các báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, chỉ đạo việc ghi chép sổ sách cho kế toán viên....
- ✓ Kế toán thanh toán: theo dõi toàn bộ công tác thanh toán bằng chuyển khoản, hàng tháng tập hợp chứng từ ngân hàng. Hàng ngày tiếp nhận các chứng từ thanh toán thu chi tiền mặt, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ đồng thời theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng cũng như nhà cung cấp .
- ✓ Kế toán hàng tồn kho: Kế toán hàng tồn kho chịu trách nhiệm theo dõi hàng tồn kho, lập và quản lý chứng từ liên quan về hàng tồn kho, theo dõi về chi phí sản xuất sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm.
- ✓ Kế toán lương và các khoản trích theo lương : tập hợp các bảng chấm công từ các bộ phận gửi về, sau đó tính lương và các khoản trích theo lương theo đúng tỷ lệ quy định .
- ✓ Thủ quỹ: chịu trách nhiệm về các khoản thu chi tiền mặt .

**★ Chế độ kế toán áp dụng tại công ty**

Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC, hệ thống chứng từ công ty sử dụng

theo đúng quy định của bộ tài chính.

Niên độ kế toán : từ 01/01 đến 31/12 hàng năm

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam

Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung

Các chính sách , phương pháp kế toán đang áp dụng :

- + Kế toán hàng tồn kho : theo phương pháp kê khai thường xuyên
- + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : ghi theo giá gốc
- + Tính giá hàng xuất kho : theo phương pháp bình quân liên hoàn
- + Tính và nộp thuế GTGT : theo phương pháp khấu trừ
- + Tính khấu hao TSCĐ : theo phương pháp đường thẳng.

✓ *Chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng*

Công ty sử dụng chứng từ và tài khoản theo đúng quy định của bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp sử dụng gồm các tài khoản cấp 1, cấp 2, tài khoản trong bảng cân đối kế toán và tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán theo quy định của chế độ kế toán hiện hành .

✓ *Hệ thống sổ kế toán*

Công ty áp dụng là hình thức kế toán “Nhật ký chung” .

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “Nhật ký chung” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC sau đó từ sổ NKC vào sổ cái các tài khoản , từ sổ cái các tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo tài chính.

*Hệ thống sổ kế toán* gồm : sổ nhật ký chung , sổ cái các tài khoản, sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết .

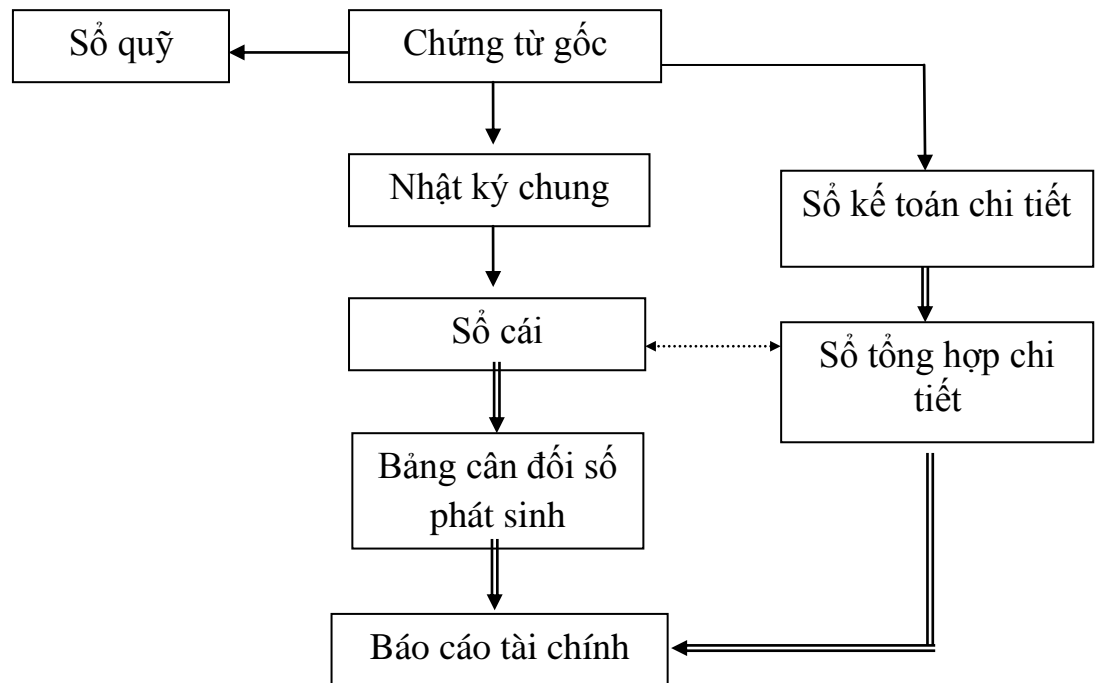
✓ *Hệ thống báo cáo tài chính*

Công ty sử dụng hệ thống báo cáo tài chính gồm báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty lập những báo cáo tài chính sau :

- + Bảng cân đối kế toán
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

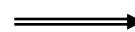
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- + Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

**Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty Cổ Phần Đình Đô:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$



Ghi theo quý  $\longleftarrow \cdots \longrightarrow$

Đối chiếu

## 2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

### 2.2.1. Đặc điểm công tác bán hàng tại công ty

Công ty Cổ phần Đình Đô là công ty chuyên sản xuất tời, xích, neo dùng trong tàu thủy, và các thiết bị cơ khí vì thế doanh thu trong kỳ chủ yếu là doanh thu bán những sản phẩm này.

Khi nhận được đơn đặt hàng của khách hàng, phòng kinh doanh sẽ gửi bảng báo giá đến khách hàng và phân tích tính khả thi của đơn đặt hàng đó. Khi khách



hàng chấp nhận giá bán theo như bảng báo giá, nhận thấy việc thực hiện đơn đặt hàng là có lãi, nhân viên phòng kinh doanh sẽ lập hợp đồng mua bán. Trong hợp đồng mua bán phải có những nội dung như: khối lượng sản phẩm hàng hóa, đơn giá, quy cách chất lượng sản phẩm, hàng hóa, thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng...

Khi khách hàng đến công ty nhận hàng, thủ kho sẽ lập biên bản giao nhận, phiếu xuất kho, sau đó giao hàng cho khách hàng theo đúng số lượng, chủng loại ghi trên hợp đồng. Khách hàng cầm biên bản giao nhận sang phòng kế toán lập hóa đơn GTGT và tiến hành thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

Phương thức thanh toán được thỏa thuận thống nhất từ phía 2 bên, và doanh nghiệp áp dụng thanh toán theo 3 cách sau :

- + Bán hàng thu tiền ngay: áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên, hoặc có nhu cầu thanh toán ngay.
- + Thanh toán chậm: áp dụng với khách hàng thường xuyên mua hàng của doanh nghiệp và có uy tín đối với doanh nghiệp.
- + Thanh toán qua ngân hàng: áp dụng với những giao dịch có giá trị từ 20.000.000đ trở lên.

## **2.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

### **2.2.2.1. Các chứng từ và tài khoản sử dụng**

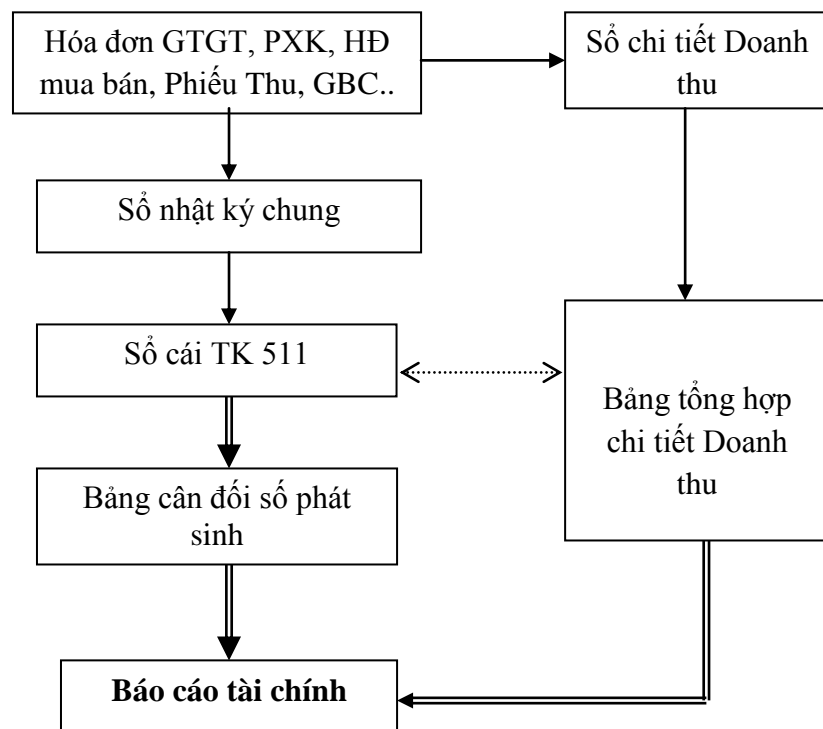
*Chứng từ:* Biên bản giao nhận, phiếu xuất kho, hợp đồng kinh tế, hóa đơn GTGT đầu ra, các chứng từ thanh toán như phiếu thu, giấy báo có ...

*Tài khoản:* TK 511 (doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)

Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2

- + TK 5111 : doanh thu bán hàng hóa
- +TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5118: Doanh thu khác

### **2.2.2.2. Quá trình ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**Sơ đồ 2.5: Ghi sổ doanh thu bán hàng và cung cấp hàng hóa dịch vụ**

Chú thích

Đối chiếu, kiểm tra  
 Ghi hàng ngày  
 Ghi cuối kỳ

**2.2.2.3. Ví dụ :** Ngày 02 tháng 12 năm 2011 bán hàng cho công ty 189 Bộ Quốc Phòng theo hóa đơn GTGT số 000455 ngày 02 tháng 12 năm 2011, số tiền : 190.000.000đ , Thuế GTGT 10%, trả bằng chuyển khoản.

Kế toán tiến hành như sau :

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán lập phiếu kế toán phản ánh doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra , công nợ khách hàng.
- Ghi sổ nhật ký chung
- Khi nhận được giấy báo có ngân hàng kế toán tiến hành ghi sổ phản ánh Công ty 189 Bộ Quốc Phòng trả tiền hàng.
- Từ nhật ký chung vào sổ cái các TK 511, 3331, 112, 131, 632, 155...
- Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

## Biểu 2.2.1

**HÓA ĐƠN GTGT  
(VAT INVOICE)**Mẫu số (form): **01 GTKT3/001**Ký hiệu (Serial): **AA/11P**Số (No): **000455**

Liên 3/Copy 3 : Lưu nội bộ

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2011

Đơn vị bán hàng(Seller): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐỒ**Địa chỉ (Address): **SỐ 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng , An Dương , HP**Mã số thuế (Tax code) : **0200566829**Điện thoại (Tel) : **(031)3835489- Fax: (031) 3913634**Số tài khoản (Account No): **1020100000560085 tại Ngân hàng Công thương Lê Chân , Hải Phòng**

Họ tên người mua hàng (Customer):

Tên đơn vị (Company): **Công ty 189 Bộ Quốc Phòng**Mã số thuế (Tax code) : **0200566829**Địa chỉ (Address) : **số 27 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng**Hình thức thanh toán (payment method): **CK Số tài khoản (Account No): 4311.01.00008.01**

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6= 4*5
1,	Tời cầu hàng	Chiếc	02	25.000.000	50.000.000
2	Tời quay cần	Chiếc	02	25.000.000	50.000.000
3	Tời cầu xuống	Chiếc	02	45.000.000	90.000.000
Cộng tiền hàng (Total Amount):					190.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT (VAT Amount) :		19.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán(Total) :					209.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>hai trăm linh chín triệu chẵn</i>					

**Người mua hàng(Customer)**

(Ký , ghi rõ họ tên)

(Signature, Full name)

**Người bán hàng ( seller)**

(Ký , ghi rõ họ tên)

(Signature, Full name)

**Thủ trưởng đơn vị (Director)**

(Ký ,đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, Stamp Full name)

## Biểu 2.2.2

Công ty Cổ Phần Đình Đô

Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn Văn Linh, An Đông ,An Dương, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Số: PKT1112/002

Khách hàng : Công ty 189 Bộ Quốc Phòng

Địa chỉ: số 27 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	DT bán tài theo hđ 00455- Cty 189 Bộ Quốc Phòng	131	5112	190.000.000	
2	Thuế GTGT	131	33311	19.000.000	
	<b>Cộng</b>			<b>209.000.000</b>	

Người lập biểu

( (ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc điều hành

(ký, họ tên, đóng dấu)



NGÂN HÀNG TECHCOMBANK

Mã khách hàng:1342

**GIẤY BÁO CÓ**

Số :002

Ngày 03/12/2011

Kính gửi: Công ty Cổ Phần Đình Đô

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Sô tài khoản ghi CỎ: 1200310001245

Số tiền bằng số : 209.000.000 đ

Số tiền bằng chữ : hai trăm linh chín triệu đồng chẵn

Nội dung : Cty 189 Bộ Quốc Phòng trả tiền hàng theo hđ 0455 ngày 02/12/2011

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Thủ trưởng đơn vị

## Biểu 2.2.3

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: Số 3, Nguyễn Văn Linh, An Đông, An Dương, HP

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	.....	...	.....		....	.....
02/12	HD 0455	02/12	DT bán hàng cho công ty 189 Bộ Quốc Phòng chưa thu tiền	131 511 3331	209.000.000	190.000.00 19.000.000
.....	.....	...	.....		....	.....
03/12	HD 0457	03/12	DT bán Dao chặn xích cho cty CP cơ khí và chế tạo Hải Phòng	131 511 3331	26.400.000	24.000.000 2.400.000
03/12	GBC 002	03/12	Công ty 189 Bộ Quốc Phòng trả tiền hàng theo hđ 0455 ngày 02/12/2011	112 131	209.000.000	209.000.000
.....	.....	...	.....		....	.....
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4/2011	511 911	30.917.051.698	30.917.051.698
.....	.....	...	.....		....	.....
			<b>Số phát sinh</b>		<b>921.724.085.080</b>	<b>921.724.085.080</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập  
(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký và ghi rõ họ tên)



## Biểu số 2.2.4

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: số 3 , Nguyễn Văn Linh, An Đông , An Dương ,HP

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tài khoản 511

Tên sản phẩm: Tờ cầu xuống

Quý 4/2011

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Giảm trừ DT	
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế GTGT	TK 521,531,532
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....	....	
HĐ 0455	02/12	Bán hàng cho Công ty 189 Bộ Quốc Phòng	131	02	45.000.000	90.000.000		
HĐ 0458	03/12	Bán hàng cho công ty CP Hương Thủy	131	03	45.000.000	135.000.000		
HĐ 0470	10/12	Bán hàng cho cty CP VTB Hoàng Hưng	131	02	45.000.000	90.000.000		
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....	....	
		<b>Cộng</b>				<b>2.520.000.000</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập  
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, ghi rõ họ tên)

## Biểu số 2.2.5

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn Văn Linh, An Đông ,An Dương, HP

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Quý 4 năm 2011

Đơn vị tính : đồng

ST T	Tên sản phẩm	ĐV T	Doanh thu			Các khoản giảm trừ Doanh thu	
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế GTGT	TK521,532,531
1	Tời quay cần	cái	107	25.000.000	2.675.000.000		
2	Tời cầu xuống	cái	56	45.000.000	2.520.000.000		
3	Tời cầu hàng	cái	93	25.000.000	2.325.000.000		
4	Neo thép nội loại 3000 kg	kg	86.000	22.000	1.892.000.000		
5	Mắt nối xích TQ	cái	280	1.600.000	448.000.000		
...	.....	....	...	..	.....	...	.....
	<b>Cộng</b>				<b>30.917.051.698</b>		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập  
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, ghi rõ họ tên)



Biểu số 2.2.6

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

Địa chỉ: Số 3 , Nguyễn Văn Linh, An Đông , An Dương , HP

**SỔ CÁI****Số hiệu Tài khoản: 511**

Tên tài khoản Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh trong năm</b>			
...	...	....	.....	....	...	
02/12	HD 0455	02/12	Doanh thu bán tài cho công ty 189 Bộ Quốc Phòng	131		190.000.000
03/12	HD 0457	03/12	DT bán Dao chặn xích cho cty CP cơ khí và chế tạo Hải Phòng	131		24.000.000
...	...	....	.....	....	...	
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4/2011	911	30.917.051.698	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>117.779.244.564</b>	<b>117.779.244.564</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập  
(Ký , ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký , ghi rõ họ tên)

### 2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ Phần Đình Đô

#### 2.2.3.1. Chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng

- a) Chứng từ kế toán: phiếu xuất kho hàng hóa, thành phẩm
- b) Tài khoản                      Tài khoản 6321: Giá vốn hàng bán của hàng hóa  
     Tài khoản 6322: Giá vốn hàng bán của thành phẩm
- c) Sổ sách sử dụng: sổ chi tiết giá vốn hàng bán, sổ cái TK 632

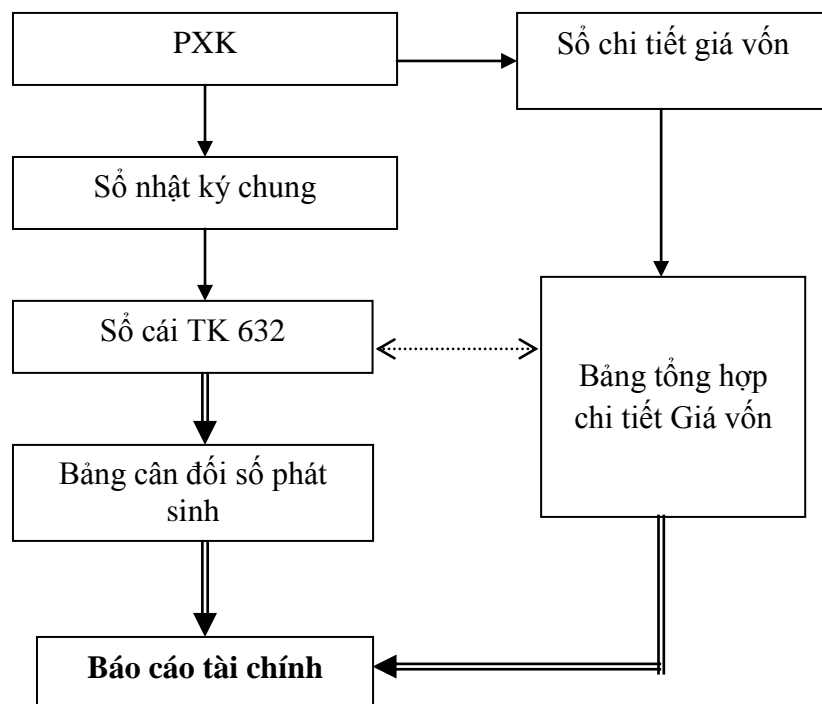
#### 2.2.3.2. Phương pháp hạch toán giá vốn

Công ty Cổ phần Đình Đô tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn .

*Trị giá vốn thực tế = Số lượng hàng xuất kho \* Đơn giá bình quân liên hoàn của hàng xuất kho*

#### 2.2.3.3. Quá trình ghi sổ Giá vốn hàng bán

##### Sơ đồ 2.6. Quá trình ghi sổ Giá vốn hàng bán



*Chú thích*

- ←----->      Đối chiếu, kiểm tra
- >      Ghi hàng ngày
- =====>          Ghi cuối kỳ

**2.2.3.4. Ví dụ :** Ngày 02 tháng 12 năm 2011 bán hàng cho công ty 189 Bộ Quốc Phòng theo hợp đồng số 02/2011/DinhDo/189\_BQP, Hóa đơn GTGT số 000455 ngày 02 tháng 12 năm 2011, số tiền : 190.000.000đ chưa thuế GTGT 10%, giá vốn = 152,499,700 đ .

Biểu 2.3.1

Đơn vị : Công ty Cổ  
Phần Đình Đô  
Địa chỉ:.....

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ: 02 – VT  
Theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC  
ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ  
trưởng Bộ Tài Chính

Số: P XK 1112/002

Tài khoản Nợ : 632

Tài khoản Có : 155

Họ tên người nhận hàng: Bùi Mạnh Hải

Địa chỉ: Công ty 189 Bộ Quốc Phòng

Lý do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: 04- kho Thành phẩm

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4= 2*3
1	Tời câu hàng		cái	02	02	20.065.750	40.131.500
2	Tời quay cần		cái	02	02	20.065.750	40.131.500
3	Tời câu xuống		cái	02	02	36.118.350	72.236.700
	Cộng			06	06	76.249.850	152.499.700

Tổng cộng: 152.499.700

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Chi phí: 0

Tổng tiền thanh toán: 152.499.700

Tổng số tiền (viết bằng chữ) một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm đồng.

**Giám đốc**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán vật tư**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người nhận hàng**  
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.3.2

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: Số 3, Nguyễn Văn Linh, An Đông, An Dương, HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2011**

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	.....	...	.....	....		.....
02/12	PXK 1112/002	02/12	Giá vốn bán hàng cho công ty 189 Bộ Quốc Phòng thu TGNH	632 155	152.499.700	152.499.700
.....	.....	...	.....	....		.....
03/12	PXK 1112/004	03/12	Giá vốn bán dao chặn xích cho cty CP cơ khí và chế tạo Hải Phòng	632 155	21.514.282	21.514.282
.....	.....	...	.....	....		.....
31/12	PKT 1112/086	31/12	Kết chuyển Giá vốn Quý 4/ 2011	911 632	27.714.924.244	27.714.924.244
.....	.....	...	.....	....		.....
			<b>Số phát sinh</b>		<b>921.724.085.080</b>	<b>921.724.085.080</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Biểu 2.3.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: số 3 Nguyễn văn Linh , An Đồng , An Dương, HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu Tài khoản: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
...	...	....	.....	....	...	
02/12	PXK 1112/002	02/12	Giá vốn bán tồn cho công ty 189 Bộ Quốc Phòng	155	152.499.700	
03/12	PXK 1112/004	03/12	Giá vốn bán dao chặn xích cho cty CP cơ khí và chế tạo Hải Phòng	155	21.514.282	
...	...	....	.....	....	...	
31/12	PKT 1112/086	31/12	Kết chuyển Giá vốn Quý 4/2011	911		27.714.924.244
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>105.580.663.788</b>	<b>105.580.663.788</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(Ký , ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký , ghi rõ họ tên)

## **2.2.4. Thực trạng kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

### **2.2.4.1. Các chứng từ và tài khoản sử dụng**

#### a) Nội dung

+ Chi phí bán hàng : chi phí nhân công, khấu hao TSCĐ sử dụng tại bộ phận bán hàng, các chi phí bằng tiền khác...

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: chi phí nhân công, khấu hao TSCĐ sử dụng tại bộ phận văn phòng, chi phí thu mua NVL, các chi phí bằng tiền khác...

#### b) Các chứng từ kế toán sử dụng

- HĐ GTGT đầu vào
- phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi, lệnh chi, phiếu kế toán.
- Bảng chấm công, bảng tính và phân bổ các khoản trích theo lương, bảng thanh toán lương.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

#### c) Các tài khoản sử dụng:

Chi phí bán hàng- TK 641 có 5 tài khoản cấp 2

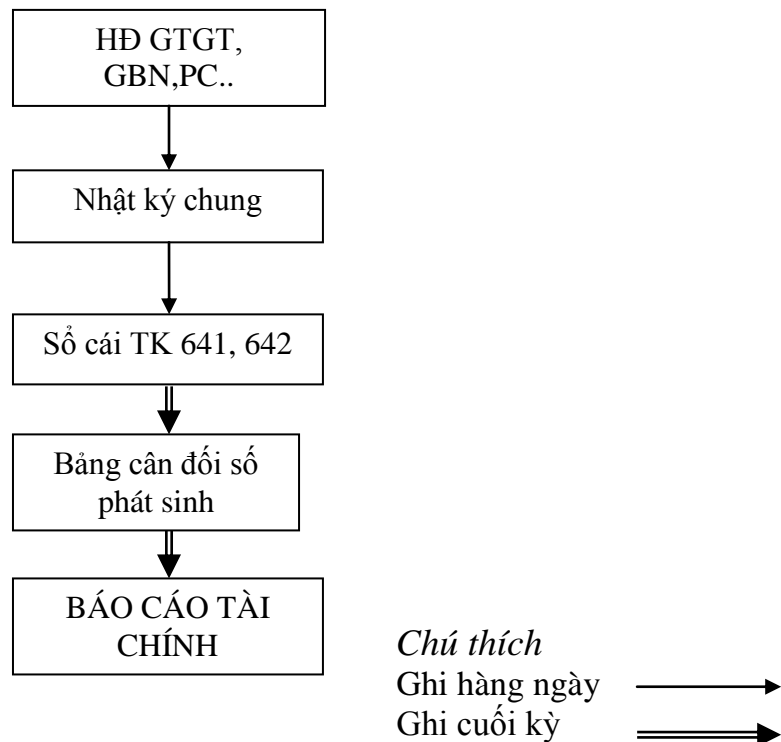
- + TK 6411: chi phí nhân viên
- + TK 6412: chi phí vật liệu bao bì
- + TK 6413: chi phí dụng cụ văn phòng
- + TK 6414: chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415: Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí quản lý doanh nghiệp - TK 642 có 6 tài khoản cấp 2

- + TK 6421: Chi phí quản lý- Nhân viên
- + TK 6424: Chi phí quản lý -Khấu hao TSCĐ , phân bổ CCDC hạn hạn
- + TK 6425: Chi phí quản lý- thuế ,phí, lệ phí
- + TK 6427: Chi phí quản lý- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí quản lý- khác

## 2.2.4.2. Quá trình ghi sổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

### Sơ đồ 2.7. Quy trình ghi sổ kế toán



### 2.2.4.3. Ví dụ minh họa

**Ví dụ 1:** Ngày 15/12/2011: Mua đồ dùng văn phòng phẩm (bút bi, giấy A4, mực in, máy dập ghim...) – hđ số 001190 ngày 15/12/2011- mua của Doanh nghiệp tư nhân Thanh Ngọc, đã thanh toán bằng tiền mặt.



## Biểu 2.3.3

**HÓA ĐƠN GTGT  
(VAT INVOICE)**Mẫu số (form): **01 GTKT3/001**Ký hiệu (Serial): **AA/11P**Số (No): **0001190**

Liên 2 : Giao cho người mua (Copy 2: Customer)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 12 năm (year) 2011

Đơn vị bán hàng(Seller): **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THANH NGỌC**

Địa chỉ (Address): số 273- gác 2 Phan Bội Châu – P. Phan Bội Châu- Q. Hồng Bàng- Hải Phòng

Mã số thuế (Tax code) :0200412177

Điện thoại (Tel) : (031) 3831.368 - Fax: (031) 3838395

Số tài khoản (Account No): 3411229 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng (Customer): Anh Huy

Tên đơn vị (Company): Công ty Cổ Phần Đình Đô

Mã số thuế (Tax code) : 0200566829

Địa chỉ (Address) : số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng , An Dương , HP

Hình thức thanh toán (payment method): TM Số tài khoản (Account No):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6= 4*5
1,	Giấy A4	gram	05	65.000	325.000
2	Bút bi	Hộp	05	44.000	220.000
3	Máy dập ghim	Chiếc	02	46.000	92.000
4	Băng dính	Cuộn	02	16.000	32.000
5	Túi đục lỗ	Tập	02	38.000	76.000
6	Mực in	Hộp	02	125.000	250.000
7	Tẩy nhật	viên	03	5000	15.000
Cộng tiền hàng (Total Amount):					1.010.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT (VAT Amount) :			101.000
Tổng cộng tiền thanh toán(Total) :					1.111.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>một triệu một trăm mười một nghìn đồng chẵn</i>					

**Người mua hàng(Customer)**

(Ký , ghi rõ họ tên)

(Signature, Full name)

**Người bán hàng ( seller)**

(Ký , ghi rõ họ tên)

(Signature, Full name)

**Thủ trưởng đơn vị (Director)**

(Ký ,đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Signature, Stamp Full name)





Công ty Cổ Phần Đình Đô  
MST: 0200566829  
Tele-Fax

Mẫu số 01-TT  
(ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ/BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI****Số : PC1112/012**

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

**TÀI KHOẢN GHI NỢ      6427:      1.010.000****13311:      101.000**

Họ tên người nhận tiền: Bùi Quang Huy

Địa chỉ: Nhân viên phòng kinh doanh - Công ty Cổ Phần Đình Đô

Lý do chi: TT tiền mua đồ dùng văn phòng phẩm - hd 01190 ngày 15/12/2011-DN tư nhân

Thương Ngọc

Số tiền: 1.111.000 VND

Viết bằng chữ: *một triệu một trăm mười một nghìn đồng chẵn*

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Giấy giới thiệu số : Ngày :

Nhận, ngày 15 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Kế toán thanh toán	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(ký, họ tên, đóng dấu)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): .....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

**Ví dụ 2:** Ngày 31 tháng 12 năm 2011: Tính tiền lương phải trả tháng 12 cho nhân viên tại bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp.



Biểu số 2.3.4

**Công ty Cổ phần Đình Đô****Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đông, An Dương, Hp****BẢNG CHẤM CÔNG****Tháng 12 - 2011**

Stt	Họ và tên	Ngày																														Trong đó					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	LG thời gian	Ôm	Ro	Chữ Ký	
					CN						CN								CN							CN											
<b>B</b>	<b>BỘ PHẬN QUẢN LÝ</b>																																				
1	Đào Thị Kiều Vân	N	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>26</b>	
2	Nguyễn Hữu Tân	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>27</b>	
3	Ngô Cẩm Vân	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>26</b>	
4	Nguyễn Thị Việt	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>27</b>	
5	Phùng Thị Dung	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>27</b>	
6	Luyện Thị Thu Huyền	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>27</b>	
.....	.....																																				
<b>C</b>	<b>BỘ PHẬN BÁN HÀNG</b>																																				
<b>I</b>	<b>Cửa hàng số 1</b>	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x					
1	Nguyễn Thị Thảo	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>27</b>	
2	Lê Minh Hằng	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>27</b>	
3	Vũ Quang Dương	x		x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>26</b>	
4	Nguyễn Văn Phương	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>27</b>	
5	Nguyễn Văn Hường	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>27</b>	
6	Nguyễn Xuân Đình	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>27</b>	
7	Nguyễn Trà My	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x				<b>27</b>	
.....	.....		..			..																															

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

Giám đốc



Biểu số 2.3.5

**Công ty Cổ Phần Đình Đô****Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đông , An Dương , HP****BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG  
THÁNG 12 NĂM 2011**

Trích số liệu tháng 12 năm 2011

STT	Bộ phận	Đối tượng tập hợp CP	Tổng quỹ lương	Quỹ lương đóng bảo hiểm	Tính vào chi phí của DN				Trừ vào lương người lao động				Cả doanh nghiệp (28.5 %)
					BHXH (16 %)	BHYT 3%	BHTN (1%)	Cộng (20 %)	BHXH (6 %)	BHYT 1.5 %	BHTN (1%)	Cộng	
	....	...	...	...	...	...	...	..					
<b>B</b>	<b>Bộ phận quản lý</b>	<b>TK 642</b>	<b>47,000,000</b>	<b>21,400,000</b>	<b>3,424,000</b>	<b>642,000</b>	<b>214,000</b>	<b>4,280,000</b>	<b>1,284,000</b>	<b>321,000</b>	<b>214,000</b>	<b>1,819,000</b>	<b>6,099,000</b>
<b>C</b>	<b>Bộ phận bán hàng</b>	<b>TK 641</b>	<b>96,000,000</b>	<b>59,920,000</b>	<b>9,587,200</b>	<b>1,797,600</b>	<b>599,200</b>	<b>11,984,000</b>	<b>3,595,200</b>	<b>898,800</b>	<b>599,200</b>	<b>5,093,200</b>	<b>17,077,200</b>
1	Cửa hàng 1		24,000,000	14,980,000	2,396,800	449,400	149,800	2,996,000	898,800	224,700	149,800	1,273,300	4,269,300
2	Cửa hàng 2		24,000,000	14,980,000	2,396,800	449,400	149,800	2,996,000	898,800	224,700	149,800	1,273,300	4,269,300
3	Cửa hàng 3		24,000,000	14,980,000	2,396,800	449,400	149,800	2,996,000	898,800	224,700	149,800	1,273,300	4,269,300
4	Cửa hàng 4		24,000,000	14,980,000	2,396,800	449,400	149,800	2,996,000	898,800	224,700	149,800	1,273,300	4,269,300
	<b>Cộng</b>		<b>756,600,000</b>	<b>535,000,000</b>	<b>85,600,000</b>	<b>16,050,000</b>	<b>5,350,000</b>	<b>107,000,000</b>	<b>32,100,000</b>	<b>8,025,000</b>	<b>5,350,000</b>	<b>45,475,000</b>	<b>152,475,000</b>

**Hạch toán**

a)Nợ TK 641	96,000,000	b)Nợ TK 641	11,984,000
Nợ TK 642	47,000,000	Nợ TK 642	4,280,000
Có TK 334	143,000,000	Nợ TK 334	6,912,200
		Có TK 338	23,176,200

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

Giám đốc



## Biểu số 2.3.6

## Công ty Cổ Phần Đình Đô

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đông , An Dương , HP

## BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2011

Trích số liệu tháng 12 năm 2011

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Mức lương chính	Mức lương đóng BH	Tiền lương TT		Các khoản giảm trừ				Lương thực lĩnh	Ký nhận
					NC	Thành tiền	BHXH 6%	BHYT 1,5%	BHTN (1%)	Cộng (8.5%)		
	.....	.....	.....	.....	..	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
<b>B</b>	<b>BỘ PHẬN QUẢN LÝ</b>		<b>47,000,000</b>	<b>21,400,000</b>		<b>47,000,000</b>	<b>1,284,000</b>	<b>321,000</b>	<b>214,000</b>	<b>1,819,000</b>	<b>45,181,000</b>	
1	Đào Thị Kiều Vân	GD	6,000,000	2,140,000	26	6,000,000	128,400	32,100	21,400	181,900	5,818,100	
2	Nguyễn Hữu Tân	PGD	5,000,000	2,140,000	27	5,000,000	128,400	32,100	21,400	181,900	4,818,100	
3	Ngô Cẩm Vân	NVKD	3,000,000	2,140,000	26	3,000,000	128,400	32,100	21,400	181,900	2,818,100	
4	Nguyễn Thị Việt	NVKD	3,000,000	2,140,000	27	3,000,000	128,400	32,100	21,400	181,900	2,818,100	
5	Phùng Thị Dung	NVKD	3,000,000	2,140,000	27	3,000,000	128,400	32,100	21,400	181,900	2,818,100	
	.....	....	.....	.....	...	.....	...	.....	.....	.....		
<b>C</b>	<b>BỘ PHẬN BÁN HÀNG</b>		<b>96,000,000</b>	<b>59,920,000</b>		<b>96,000,000</b>	<b>3,595,200</b>	<b>898,800</b>	<b>599,200</b>	<b>5,093,200</b>	<b>90,906,800</b>	
<b>I</b>	<b>Cửa hàng số 1</b>		<b>24,000,000</b>	<b>14,980,000</b>		<b>24,000,000</b>	<b>898,800</b>	<b>224,700</b>	<b>149,800</b>	<b>1,273,300</b>	<b>22,726,700</b>	
1	Nguyễn Thị Thảo	nhân viên	3,500,000	2,140,000	27	3,500,000	128,400	32,100	21,400	181,900	3,318,100	
2	Lê Minh Hằng	nhân viên	3,500,000	2,140,000	27	3,500,000	128,400	32,100	21,400	181,900	3,318,100	
3	Vũ Quang Dương	nhân viên	3,500,000	2,140,000	27	3,500,000	128,400	32,100	21,400	181,900	3,318,100	
4	Nguyễn Văn Phương	nhân viên	3,500,000	2,140,000	27	3,500,000	128,400	32,100	21,400	181,900	3,318,100	
5	Nguyễn Văn Hương	nhân viên	3,500,000	2,140,000	27	3,500,000	128,400	32,100	21,400	181,900	3,318,100	
6	Nguyễn Xuân Đình	nhân viên	3,500,000	2,140,000	27	3,500,000	128,400	32,100	21,400	181,900	3,318,100	
	.....	.....			.....							
	<b>Cộng</b>		<b>756,600,000</b>	<b>535,000,000</b>		<b>756,600,000</b>	<b>32,100,000</b>	<b>8,025,000</b>	<b>5,350,000</b>	<b>45,475,000</b>	<b>711,125,000</b>	

Hạch toán:

b) Nợ TK 334: 711,125,000

Có TK 111: 711,125,000

Người lập

HP, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

## Biểu số 2.3.7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đồng , An Dương , HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....	.....	.....	....	.....	.....	.....
15/12	PC 1112/012	15/12	TT tiền mua đồ dùng văn phòng phẩm- hđ 01190 ngày 15/12/2011- DN tư nhân Thương Ngọc	6427 13311 1111	1.010.000 101.000	1.111.000
....	.....	.....	....	.....	.....	.....
31/12	BL 12	31/12	Xác định lương phải trả nhân viên BP bán hàng và BP quản lý tháng 12/2011	641 642 334	96.000.000 47.000.000	143.000.000
31/12	BL T12	31/12	Trích các khoản trích theo lương tại BP bán hàng và quản lý DN	641 642 334 338	11.984.000 4.280.000 6.912.200	23.176.200
31/12	BL 12	31/12	Thanh toán tiền lương tháng 12/2011 cho CNV toàn công ty	334 111	711.125.000	711.125.000
31/12	PKT 1112/086	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng tháng Quý 4/2011	911 641	391.361.891	391.361.891
31/12	PKT 1112/086	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN Quý 4/2011	911 642	587.042.836	587.042.836
....	.....	.....	....	.....	.....	.....
			<b>Số phát sinh</b>		<b>921.724.085.080</b>	<b>921.724.085.080</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập  
(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 2.3.8

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đông, An Dương, HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu Tài khoản: 641

Tên tài khoản Chi phí bán hàng

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh trong năm</b>			
...	...	....	.....	....	...	
31/12	BL T12	31/12	Tính tiền lương tháng 12/2011 phải trả cho nhân viên BH	334	96.000.000	
31/12	BL T12	31/12	Trích các khoản trích theo lương tháng 12 cho nhân viên bán hàng	338	11.984.000	
31/12	PKT 1112/086	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4/2011	911		391.361.891
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.490.902.440</b>	<b>1.490.902.440</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.3.9

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu Tài khoản: 642

Tên tài khoản Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			Số phát sinh trong năm			
....	...		.....	....	....	....
15/12	PC 1112/012	15/12	TT tiền mua đồ dùng văn phòng phẩm- hđ 01190 ngày 15/12/2011- DN tư nhân Thương Ngọc	1111	1.010.000	
...	...	....	.....	....	...	
31/12	BL 12	31/12	Xác định lương phải trả cho nhân viên tại bộ phận QLDN tháng 12/2011	334	47.000.000	
31/12	BL T12	31/12	Trích các khoản trích theo lương tại BP quản lý DN	338	4.280.000	
31/12	PKT 1112/086	31/12	Kết chuyển Chi phí QLDN quý 4/2011	911		587.042.836
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>2.236.353.805</b>	<b>2.236.353.805</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Người lập  
(Ký , ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng  
(Ký , ghi rõ họ tên)

## **2.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ Phần Đình Đô**

### 2.2.5.1. Kế toán doanh thu tài chính

a) Nội dung : Doanh thu tài chính tại công ty chủ yếu là từ lãi tiền gửi tại các Ngân hàng , lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái .

b) Chứng từ, tài khoản , sổ sách sử dụng

- ✓ Chứng từ: Giấy báo có của Ngân hàng, phiếu kế toán...
- ✓ Tài khoản: TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính. TK 515 có 3 TK cấp 2
  - + TK 5154: Thu nhập về lãi tiền gửi
  - + TK 5156: Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái
  - + TK 5158: Thu nhập về hoạt động đầu tư khác
- ✓ Sổ sách kế toán: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515...

### 2.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính

a) Nội dung chi phí tài chính chủ yếu gồm: chi phí lãi vay Ngân hàng , lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

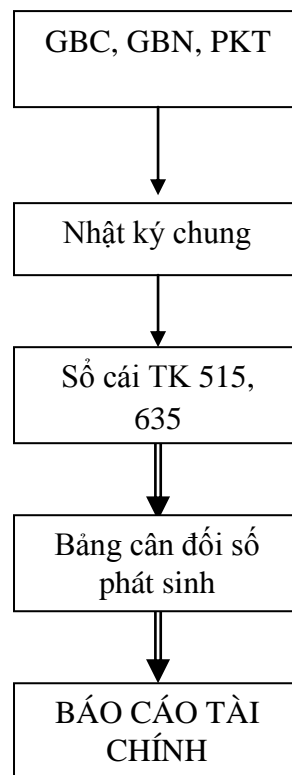
b) Chứng từ, tài khoản , sổ sách sử dụng

- ✓ Chứng từ: Giấy báo nợ , phiếu kế toán...
- ✓ Tài khoản: Tài khoản 635 (Chi phí hoạt động tài chính)
- ✓ Sổ sách: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK635

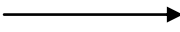


### 2.2.5.3. Quá trình hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

#### **Sơ đồ 2.8: Quá trình ghi sổ**



Chú thích:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối kỳ: 

### 2.2.5.4. Ví dụ minh họa

**Ví dụ 1** : Ngày 26/12: Chi trả tiền lãi vay tháng 12 / 2011 – theo khế ước 846969 – Ngân hàng Công Thương

Biểu 2.4

## NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

<b>GIẤY BÁO NỢ</b> <i>ADVICE OF DEBIT</i>	Liên 2: giao cho khách hàng <i>For customer</i> Số / No: GBN1112/013 Ngày/ Date: 26/12/2011
--	--

Số tài khoản(Account No: 1020100000560085

Tên tài khoản(Account name) : Công ty Cổ Phần Đình Đô

Kính gửi (to)	Ngân hàng TM CP Công Thương xin trân trọng thông báo quý khách đã được ghi NỢ số tiền sau 33.000.000 VND
Diễn giải	Số tiền
Lãi vay phải trả theo kế ước số 846969 Số tiền gốc Số tiền lãi tính từ ngày 26/11/2011- 26/12/2012	2.200.000.000 VND 33.000.000 VND

Nhân viên giao dịch

Người kiểm soát

Giám đốc Ngân hàng

**Ví dụ 2** : Ngày 31 tháng 12 nhận được giấy báo có về tiền lãi được hưởng tại Ngân hàng Công Thương .

## Biểu 2.4.1

## NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	Liên 2: giao cho khách hàng <i>For customer</i> Số / No: GBC1112/013 Ngày/ Date: 31/12/2011
--------------------	--

Số tài khoản(Account No: 1020100000560085

Tên tài khoản(Account name) : Công ty Cổ Phần Đình Đô

Kính gửi (to)	Ngân hàng TM CP Công Thương xin trân trọng thông báo quý khách đã được ghi CÓ số tiền sau 146.892 VND
Diễn giải	Số tiền
Số tiền lãi từ ngày 01/12- 30/12/2011	146.892 VND

Nhân viên giao dịch

Người kiểm soát

Giám đốc Ngân hàng

## Biểu 2.4.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....	.....	.....	....	.....	.....	.....
26/12	GBN 1112/013	26/12	lãi vay T12/2011 phải trả- khế ước 846969- NH Công Thương	635 11211	33.000.000	33.000.000
31/12	GBC 1112/013	31/12	Lãi tiền gửi được hưởng T12/2011- NH Công Thương	11211 515	146.892	146.892
....	.....	.....	....	.....	.....	.....
31/12	PKT 1112/085	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính quý 4/2011	515 911	268.553	268.553
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí tài chính quý 4/ 2011	911 635	351.407.513	351.407.513
....	.....	.....	....	.....	.....	.....
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>921.724.085.080</b>	<b>921.724.085.080</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

## Biểu 2.4.3

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đồng , An Dương , HP

**SỔ CÁI**

Tài khoản 515

Tên tài khoản: doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh trong năm</b>			
.....	....		....	.....	...	...
31/12	GBC 1112/013	31/12	Lãi tiền gửi được hưởng T12/2011- NH Công Thương	11211		146.892
31/12	PKT 1112/085	31/12	K/c Doanh thu hoạt động tài chính Quý 4/ 2011	911	268.553	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.023.059</b>	<b>1.023.059</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(ký , ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký , ghi rõ họ tên)

Biểu 2.4.6

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đồng , An Dương , HP

**SỔ CÁI**

Tài khoản 635

Tên tài khoản: chi phí hoạt động tài chính

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh trong năm</b>			
.....	....		....	.....	...	...
26/12	GBN 1112/013	26/12	lãi vay T12/2011 phải trả- khế ước 846969- NH Công Thương	11211	33.000.000	
.....	....		....	.....	...	...
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính quý 4/ 2011	911		351.407.513
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.332.695.288</b>	<b>1.332.695.288</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(ký , ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký , ghi rõ họ tên)

## **2.2.6. Thực trạng công tác kế toán thu nhập khác, chi phí khác tại Công ty Cổ Phần Đình Đô**

### *2.2.6.1. Công tác kế toán thu nhập khác*

a) Nội dung thu nhập khác: thu từ bán , thanh lý TSCĐ, bán phế liệu ....

b) Chứng từ, tài khoản , sổ sách sử dụng

✓ Chứng từ: Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản bàn giao TSCĐ, Hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu kế toán .....

✓ Tài khoản: Tài khoản 711-Thu nhập từ hoạt động khác

✓ Sổ sách: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 711 .....

### *2.2.6.2. Công tác kế toán chi phí khác*

a) Nội dung chi phí khác: tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, chi phí thanh lý , nhượng bán TSCĐ ...

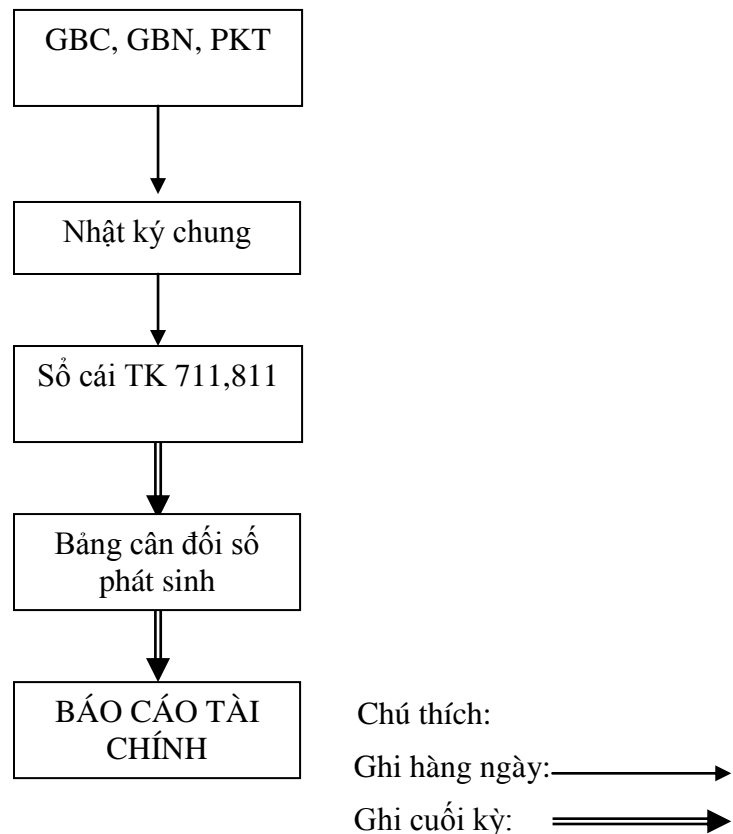
b) Chứng từ, tài khoản , sổ sách sử dụng

✓ Chứng từ: Biên bản thanh lý TSCĐ, phiếu kế toán, phiếu chi,GBN..

✓ Tài khoản: Tài khoản 811(Chi phí hoạt động khác)

✓ Sổ sách: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 811...

### *2.2.6.3. Quá trình ghi sổ thu nhập khác và chi phí khác*

**Sơ đồ 2.9 : Quá trình ghi sổ thu nhập khác và chi phí khác**

2.2.6.4. **Ví dụ minh họa :** Ngày 17/12/2011: Thanh lý, nhượng bán xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 16N-0721, Nguyên giá : 750.000.000đ, đã khấu hao: 416.666.667 đ - bán cho Công ty Cp Công nghiệp XNK HP theo hđ 000519 ngày 17/12/2011, số tiền chưa VAT 10 %: 178.000.000 đ , chưa thu tiền.



Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Đình Đô

## BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Số : BB1112/001

*Căn cứ biên bản ngày 17 tháng 12 năm 2011 của hội đồng các thành viên Công ty Cổ Phần Đình Đô về việc thanh lý tài sản cố định.*

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

Ông: Nguyễn Văn Sơn

Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh

Bà: Nguyễn Kim Oanh

Chức vụ: Kế Toán trưởng

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên: ... xe ô tô đầu kéo 16N-0721.....
- Nước sản xuất: Trung quốc.....
- Năm sản xuất: ...**2006**.....
- Năm đưa vào sử dụng: **2006**
- Nguyên giá TSCĐ ...750.000.000 đ.....
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý ...416.666.667 đ.....
- Giá trị còn lại của TSCĐ ...333.333.333 đ .....

III Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:

.....

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ: .....
- Giá trị thu hồi: .....
- Đã ghi giảm số TSCĐ ngày 17 tháng 12 năm 2012....

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

**Giám đốc**

*(ký, họ tên, đóng dấu)*

**Kế toán trưởng**

*(ký, họ tên)*

Biểu 2.4.7**HÓA ĐƠN GTGT  
(VAT INVOICE)**Mẫu số (form): **01 GTKT3/001**Ký hiệu (Serial): **AA/11P**Số (No): **000519**

Liên 3/Copy 3 : Lưu nội bộ

Ngày (Date) 17 tháng (month) 12 năm (year) 2011

Đơn vị bán hàng(Seller): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐỒ**Địa chỉ (Address): **SỐ 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng , An Dương , HP**Mã số thuế (Tax code) : **0200566829**Điện thoại (Tel) : **(031)3835489- Fax: (031) 3913634**Số tài khoản (Account No): **102010000560085 tại Ngân hàng Công thương Lê Chân , Hải Phòng**Họ tên người mua hàng (Customer): **Hoàng Văn Trung**Tên đơn vị (Company): **Công ty CP Công nghiệp XNK HP**Mã số thuế (Tax code) : **0200566825**Địa chỉ (Address) : **số 102 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng**Hình thức thanh toán (payment method): **CK Số tài khoản (Account No): 4311.01.00008.05**

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6= 4*5
1,	xe ô tô đầu kéo 16N-0721	cái	01	178.000.000	178.000.000
Tổng tiền hàng (Total Amount):					178.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT (VAT Amount) :		17.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán(Total) :					195.800.000

Số tiền viết bằng chữ: *một trăm chín mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.***Người mua hàng(Customer)****Người bán hàng ( seller)****Thủ trưởng đơn vị (Director)***(Ký , ghi rõ họ tên)**(Ký , ghi rõ họ tên)**(Ký ,đóng dấu, ghi rõ họ tên)**(Signature, Full name)**(Signature, Full name)**(Signature, Stamp Full name)*

Biểu 2.4.8

Công ty Cổ Phần Đình Đô

Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn văn Linh, An Đông ,An Dương, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

Số 1112/044

Khách hàng : Công ty CP Công nghiệp XNK HP

Địa chỉ: số 102 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	DT bán xe cho Công ty CP Công nghiệp XNK HP theo hđ 000519 ngày 17/12/2011	131	711	178.000.000	
2	Thuế GTGT	131	33311	17.800.000	
	<b>Cộng</b>			<b>195.800.000</b>	

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc điều hành

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.4.9

Công ty Cổ Phần Đình Đô

Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn văn Linh, An Đông ,An Dương, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

Số 1112/045

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	Ghi giảm nguyên giá xe ô tô đầu kéo 16N-0721 do thanh lý	811	211	333.333.333 đ	
		2141	211	416.666.667 đ	
	<b>Cộng</b>			<b>750.000.000 đ</b>	

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc điều hành

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.5

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....	.....	.....	....	.....	.....	.....
17/12	PKT 1112/044	17/12	Doanh thu bán xe ô tô đầu kéo 16N-0721- Cty Cp Công nghiệp XNK HP- chưa thu tiền	131 711 3331	195.800.000	178.000.000 17.800.000
	PKT 1112/045		Ghi giảm nguyên giá xe ô tô 16N-0721 do thanh lý	214 811 211	416.666.667 333.333.333	750.000.000
....	.....	.....	....	.....	.....	.....
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển thu nhập khác quý 4/2011	711 911	463.636.364	463.636.364
31/12	PKT 1112/086	31/12	Kết chuyển chi phí khác quý 4/2011	911 811	562.833.333	562.833.333
....	.....	.....	....	.....	.....	.....
			<b>Số phát sinh</b>		<b>921.724.085.080</b>	<b>921.724.085.080</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập  
(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 2.5.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ****Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đồng , An Dương , HP****SỔ CÁI**

Số hiệu Tài khoản: 711

Tên tài khoản thu nhập từ hoạt động khác

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh trong năm</b>			
.....	...		...	..	...	.....
17/12	PKT 1112/044	17/12	Doanh thu nhượng bán xe ô tô đầu kéo 16N-0721- Cty Cp Công nghiệp XNK HP- chưa thu tiền	131		178.000.000
31/12	PKT 1112/085	31/12	K/c Doanh thu khác quý 4/2011	911	463.636.364	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>463.636.364</b>	<b>463.636.364</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

## Biểu 2.5.2

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐỒ

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đông , An Dương , HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu Tài khoản: 811

Tên tài khoản chi phí từ hoạt động khác

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh trong năm</b>			
.....	...		...	..	...	.....
17/12	PKT 1112/045	17/12	Giảm nguyên giá xe ô tô đầu kéo 16N-0721 do nhượng bán- Cty Cp Công nghiệp XNK HP	211	333.333.333	
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí khác quý 4/2011	911		562.833.333
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>562.833.333</b>	<b>562.833.333</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Người lập  
(Ký , ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

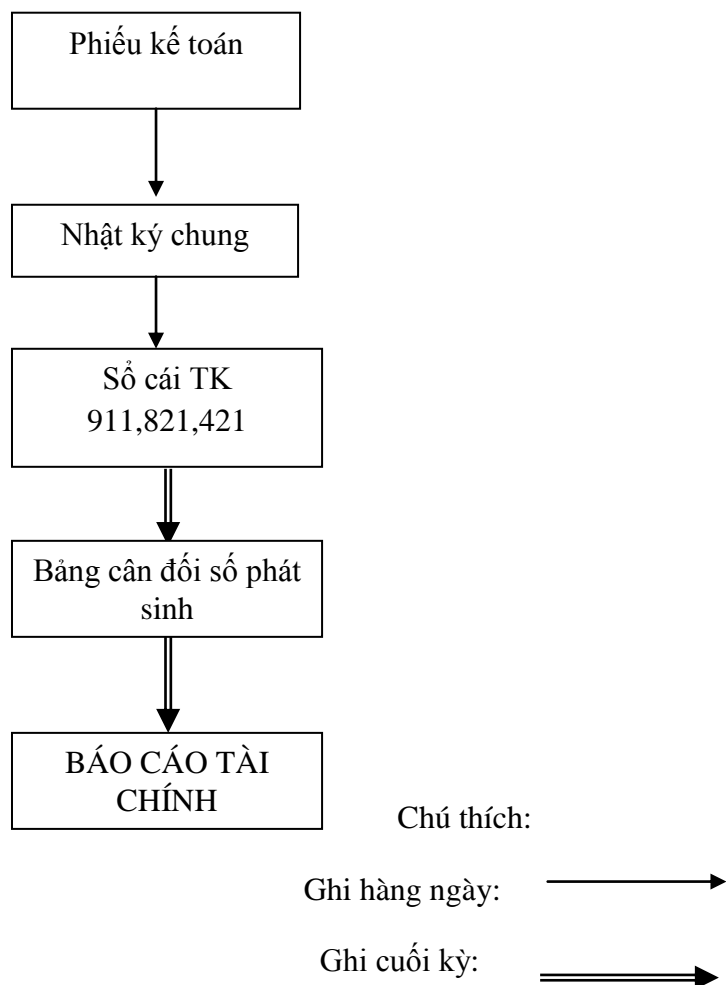
Kế toán trưởng  
(Ký , ghi rõ họ tên)

**2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đình Đô****2.2.7.1. Chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng**

a) Chứng từ kế toán sử dụng : các phiếu kế toán

b) Tài khoản sử dụng:

- ✓ TK 911- xác định kết quả kinh doanh
- ✓ TK 821 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm 2 TK cấp 2
  - + TK 8211: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
  - + TK 8212: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
- ✓ TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối...

**2.7.1.2. Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh****Sơ đồ 2.10 : Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh**



**2.2.7.3 Ví dụ minh họa : Xác định kết quả kinh doanh năm 2011 Công ty Cổ Phần Đình Đô**

## Biểu 2.5.3

Công ty Cổ Phần Đình Đô

Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn văn Linh, An Đông ,An Dương, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 1112/085

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	K/c Doanh thu bán hàng Quý 4/2011	511	911	30.917.051.698	
2	K/c Doanh thu tài chính Quý 4/2011	515	911	268.553	
3	K/c Doanh thu hoạt động khác Quý 4/2011	711	911	463.636.364	
	<b>Cộng</b>			<b>31.380.956.615</b>	

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc điều hành**

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.4

Công ty Cổ Phần Đình Đô

Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn văn Linh, An Đông ,An Dương, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 1112/086

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	K/c giá vốn hàng bán Quý 4/2011	911	632	27.714.924.244	
2	k/c chi phí bán hàng Quý 4/2011	911	641	391.361.891	
3	k/c chi phí QLDN Quý 4/2011	911	642	587.042.836	
4	k/c chi phí tài chính Quý 4/2011	911	635	351.407.513	
5	k/c chi phí khác Quý 4/2011	911	811	562.833.333	
	<b>Cộng</b>			<b>29.607.569.817</b>	

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc điều hành**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Xác định số thuế TNDN còn phải nộp năm 2011**

1. Cuối năm quyết toán thuế TNDN năm 2011 = LNTT năm 2011 \* 25 %  
= 7.034.455.478 đ \* 25% = 1.758.613.870 đ
2. Trong năm 2011 doanh nghiệp đã tạm nộp số thuế TNDN = 1.532.000.000 đ  
⇒ Số thuế TNDN còn phải nộp năm 2011 = 1.758.613.870 - 1.532.000.000  
= 226.613.870 đ
3. Lợi nhuận sau thuế năm 2011 = 7.034.455.478 - 1.758.613.870  
= 5.275.841.609 đ

## Biểu 2.5.5

**Công ty Cổ Phần Đình Đô**

Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn văn Linh, An Đông ,An Dương, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 1112/087

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	Xác định thuế TNDN còn phải nộp năm 2011	8211	3334	226.613.870	
2	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	226.613.870	
	<b>Cộng</b>			<b>453.227.740</b>	

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc điều hành**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.5.6****Công ty Cổ Phần Đình Đô****Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn văn Linh, An Đông ,An Dương, HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 1112/088

Đơn vị tính : đồng

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Kết chuyển lãi năm 2011	911	421	5.275.841.609	
	<b>Cộng</b>			<b>5.275.841.609</b>	

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc điều hành**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.5.7**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: Số 3, Nguyễn Văn Linh, An Đông, An Dương, HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	.....	...	.....	....		.....
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển DT bán hàng Quý 4/2011	511 911	30.917.051.698	30.917.051.698
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển DT tài chính Quý 4/2011	515 911	268.553	268.553
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển thu nhập khác Quý 4/2011	711 911	463.636.364	463.636.364
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c Giá vốn hàng bán Quý 4/2011	911 632	27.714.924.244	27.714.924.244
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí bán hàng Quý 4/2011	911 641	391.361.891	391.361.891
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí QLDN Quý 4/2011	911 642	587.042.836	587.042.836
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính Quý 4/2011	911 635	351.407.513	351.407.513
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí hoạt động khác Quý 4/2011	911 811	562.833.333	562.833.333
31/12	PKT 1112/087	31/12	Xác định thuế TNDN còn phải nộp năm 2011	821 3334	226.613.870	226.613.870
31/12	PKT 1112/087	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911 821	226.613.870	226.613.870
31/12	PKT 1112/088	31/12	Kết chuyển lãi năm 2011	911 421	5.275.841.609	5.275.841.609
			<b>Số phát sinh</b>		<b>921.724.085.080</b>	<b>921.724.085.080</b>

Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.5.8****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đồng, An Dương, HP

**SỔ CÁI**

Tài khoản 911

Tên tài khoản: xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh trong năm</b>			
.....	....		....	.....	...	...
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển DT bán hàng Quý 4/2011	511		30.917.051.698
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển DT tài chính Quý 4/2011	515		268.553
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển thu nhập khác Quý 4/2011	711		463.636.364
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c Giá vốn hàng bán Quý 4/2011	632	27.714.924.244	
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí bán hàng Quý 4/2011	641	391.361.891	
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí QLDN Quý 4/2011	642	587.042.836	
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí hoạt động tài chính Quý 4/2011	635	351.407.513	
31/12	PKT 1112/086	31/12	K/c chi phí hoạt động khác Quý 4/2011	811	562.833.333	
31/12	PKT 1112/087	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	261.488.870	
31/12	PKT 1112/089	31/12	K/c lãi năm 2011	421	5.380.466.609	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>118.243.903.987</b>	<b>118.243.903.987</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Người lập  
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Kế toán trưởng  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.5.8****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đông , An Dương , HP

**SỔ CÁI**

Tài khoản 821

Tên tài khoản: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
			<b>Số phát sinh trong năm</b>			
.....	....		....	.....	...	...
31/12	PKT 1112/087	31/12	Xác định thuế TNDN còn phải nộp năm 2011	3334	261.488.870	
31/12	PKT 1112/087	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911		261.488.870
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.793.488.870</b>	<b>1.793.488.870</b>
			Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

*(ký, ghi rõ họ tên)*

Kế toán trưởng

*(ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu 2.5.9****CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ**

Địa chỉ: số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đông , An Dương , HP

**SỔ CÁI**

Tài khoản 421

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			<b>5.059.632.362</b>
			<b>Số phát sinh trong năm</b>			
31/12	PKT 1112/088	31/12	Kết chuyển lãi năm 2011	911		5.380.466.609
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>5.380.466.609</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b>10.440.098.971</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(ký , ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký , ghi rõ họ tên)



## Công ty Cổ phần Đình Đô

## Báo cáo tài chính

Địa chỉ : số 3 Nguyễn Văn Linh , An Đông , An  
Dương ,HP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
<b>Năm 2011</b>				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VII.10	<b>117,779,244,564</b>	<b>111,335,093,477</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	VII.10	<b>117,779,244,564</b>	<b>111,335,093,477</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.11	105,580,663,788	99,803,943,519
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>12,198,580,776</b>	<b>11,531,149,958</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.12	1,023,059	967,084
7. Chi phí tài chính	22	VII.13	1,338,695,288	1,265,450,170
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,338,695,288	1,265,450,170
8. Chi phí bán hàng			1,490,902,440	1,409,329,489
9. Chi phí quản lý kinh doanh	24		2,236,353,660	2,113,994,233
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>7,133,652,447</b>	<b>6,743,343,150</b>
10. Thu nhập khác	31		463,636,364	479,500,000
11. Chi phí khác	32		562,833,333	476,666,667
<b>12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(99,196,969)</b>	<b>2,833,333</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>7,034,455,478</b>	<b>6,746,176,483</b>
14. Chi phí thuế TNDN	51		1,758,613,870	1,686,544,121
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>5,275,841,609</b>	<b>5,059,632,362</b>

Hải phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

### CHƯƠNG III

## MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ.

### 3.1. Nhận xét đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đình Đô .

#### 3.1.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Đình Đô

Trong nền kinh tế thị trường ngày nay, các doanh nghiệp chịu tác động không nhỏ đến từ những biến động của nền kinh tế. Vì vậy một doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển được đòi hỏi nhà quản trị doanh nghiệp phải có những chiến lược kinh doanh đúng đắn. Để phục vụ cho các nhà quản trị đưa ra được những quyết định chính xác góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh thì vai trò của công tác kế toán là rất quan trọng. Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ Phần Đình Đô em nhận thấy công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau đây :

##### 3.1.1.1 Ưu điểm

#### a) Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty

✓ *Về cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán* : Công tác kế toán tại công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, đảm bảo sự thống nhất trong quản lý. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với chuyên môn của mình. Đội ngũ nhân viên kế toán là những người có kinh nghiệm, có chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

✓ *Hình thức kế toán áp dụng*: công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung” đơn giản mà hiệu quả phản ánh được kịp thời, chính xác những nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

✓ *Chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán* sử dụng theo đúng quyết định 15 của

Bộ tài chính ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006. Chứng từ đảm bảo sự chính xác về nội dung, quy trình luân chuyển chứng từ khoa học tạo điều kiện cho công tác ghi sổ kế toán. Cuối tháng kế toán tiến hành đóng chứng từ, sổ sách và lưu trữ cẩn thận.

✓ Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng : Phương pháp khấu hao này có ưu điểm là việc tính toán đơn giản, tổng mức khấu hao của TSCĐ được phân bổ đều đặn trong các năm sử dụng TSCĐ và không gây ra sự đột biến trong giá thành sản phẩm hàng năm. Do đó nhà quản trị luôn chủ động trong việc ước tính giá thành.

✓ Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn: theo phương pháp này mỗi lần nhập hàng đơn giá được tính lại theo phương pháp bình quân để áp dụng cho những lần xuất kế tiếp, tiện cho việc quản lý hàng tồn kho về mặt trị giá.

### **b) Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty**

Hiện nay công ty đang áp dụng quyết định 15/2006/QĐ- BTC của bộ tài chính, “chuẩn mực kế toán 14” về doanh thu và thu nhập khác.

✓ Về các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh: như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, bảng chấm công, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ CCDC dài hạn được kế toán phân loại và tiến hành ghi sổ theo đúng nội dung phần hành kế toán , tạo điều kiện cho việc đưa ra các báo cáo tài chính chính xác kịp thời, phục vụ đắc lực cho công tác quản lý công ty.

✓ Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ bán hàng đều được kế toán ghi nhận vào doanh thu một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác về nội dung. Khi bán hàng kế toán bán hàng tiến hành lập hóa đơn GTGT thành 3 liên, liên 1 lưu tại quyền, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu nội bộ làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

✓ Về công tác kế toán giá vốn: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương

pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn nhờ vào đó giá vốn được cập nhật kịp thời trong phiếu xuất kho tạo điều kiện cho công tác hạch toán giá vốn.

✓ Về công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: do doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ- BTC nên tài khoản 641 được dùng riêng để hạch toán chi phí bán hàng, TK 642 để hạch toán riêng chi phí quản lý doanh nghiệp do đó chi phí được phân loại rõ ràng, khoa học. Nhìn vào bảng BCTC nhà quản trị có thể xác định được chi phí sản xuất trong kỳ tăng nên ở bộ phận nào, giảm xuống ở bộ phận, qua đó tìm ra phương án quản lý chi phí cho hiệu quả.

✓ Về công tác kế toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính: kế toán hạch toán chi phí tài chính và doanh thu tài chính rất rõ ràng, khoa học, do các khoản doanh thu tài chính, chi phí tài chính của công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi và lãi tiền vay nên qua việc theo dõi tốt tài khoản 635 nhà quản trị có thể kiểm soát được chi phí lãi vay trong doanh nghiệp.

✓ Về công tác kế toán chi phí khác và thu nhập khác: kế toán theo dõi tốt 2 tài khoản chi phí khác và thu nhập khác đã giúp cho nhà quản trị quản lý được các khoản doanh thu bất thường và chi phí bất thường trong doanh nghiệp.

✓ Về công tác xác định kết quả kinh doanh tại công ty: do kế toán đã quản lý, theo dõi tốt những khoản doanh thu, chi phí đề cập ở trên vì thế công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh được thực hiện 1 cách dễ dàng cung cấp cho giám đốc những thông tin kế toán chính xác kịp thời qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

### **3.1.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty**

Bên cạnh những ưu điểm đề cập ở trên công ty Cổ phần Đình Đô còn tồn tại những mặt hạn chế sau đây:

**a) Về công tác kế toán :** Công ty Cổ phần Đình Đô là một công ty với khối lượng chứng từ và công việc kế toán lớn tuy nhiên công ty chưa sử dụng phần mềm kế

toán vì thế không tạo được điều kiện thuận lợi nhất cho kế toán đưa ra những thông tin kế toán kịp thời, chính xác cho nhà quản trị.

***b) Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

***✓ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu***

Trên thực tế doanh nghiệp có phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán. Nhưng kế toán tiến hành trừ trực tiếp trên hóa đơn không sử dụng tài khoản 521,532. Vì vậy khi nhìn vào BCKQKD nhà quản trị không khái quát được các khoản giảm trừ doanh thu là bao nhiêu.

***✓ Công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp***

Các khoản trích theo lương tính vào chi phí : Công ty Cổ phần Đình Đô là một doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (250 lao động) nhưng chưa thành lập công đoàn và chưa trích lập kinh phí công đoàn. Vì vậy chưa đảm bảo lợi ích của người lao động, chưa thúc đẩy được tinh thần lao động của công nhân viên, chưa làm cho công nhân viên gắn bó hơn với công ty.

Chi phí thu mua nguyên vật liệu (như vận chuyển, bốc dỡ) : theo quy định là phải tính vào giá trị NVL nhập kho tuy nhiên doanh nghiệp lại đưa vào chi phí quản lý khác (TK 6428)

Doanh nghiệp chưa trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi

Một số công cụ dụng cụ sử dụng tại BPBH và QLDN như máy in Canon, tivi có giá trị nhỏ hơn 10 triệu và tham gia vào nhiều chu trình sản xuất kinh doanh theo quy định doanh nghiệp phải tiến hành phân bổ CCDC dài hạn và phân bổ dần vào chi phí bán hàng, chi phí QLDN. Tuy nhiên doanh nghiệp không tiến hành phân bổ CCDC mà đưa thẳng vào chi phí bán hàng và chi phí QLDN toàn bộ giá trị của CCDC.

Khoản chi phí nộp phạt do nộp chậm thuế theo quy định doanh nghiệp phải hạch toán vào chi phí hoạt động khác (TK 811 ) nhưng kế toán lại hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác (TK 6428)

***✓ Công tác kế toán chi phí tài chính***

Doanh nghiệp chưa áp dụng hình thức cho khách hàng hưởng chiết khấu

thanh toán vì thế chưa thúc đẩy được việc thu hồi các khoản doanh thu bán hàng chịu.

Các khoản chi phí lãi vay: vay từ các đối tượng khác(cá nhân, tổ chức không phải ngân hàng) theo quy định lãi suất được tính vào chi phí tài chính không được cao hơn 1.5 lần lãi suất của các ngân hàng thương mại. Số chi phí lãi vay vượt quá quy định phải trừ vào lợi nhuận sau thuế nhưng doanh nghiệp lại hạch toán toàn bộ chi phí lãi vay (bao gồm chi phí lãi vay vượt quá quy định) vào chi phí tài chính trong kỳ.

### **3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đình Đô.**

#### **3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty**

Trong xu thế phát triển của thế giới hiện nay cùng với quá trình hội nhập và quốc tế hóa, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước được giao lưu, buôn bán trao đổi với các doanh nghiệp nước ngoài. Không những thế nó cũng tạo ra những áp lực và thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong nước, vì thế để có thể tồn tại và phát triển được các doanh nghiệp phải không ngừng vận động, mở rộng thị trường và việc hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh là một yếu tố quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Vì thế doanh nghiệp nên có những giải pháp giải quyết những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Những mặt còn hạn chế trên liên quan đến công tác tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty vì thế nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Đối với công ty nếu quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình

tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong lao động.

Đối với công tác kế toán, công tác kê toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin kế toán chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

### **3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kê toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Việc hoàn thiện những hạn chế cần dựa vào những nguyên tắc sau:

✓ Nguyên tắc thống nhất

Đảm bảo sự thống nhất từ trung ương đến cơ sở

Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Đảm bảo sự thống nhất về chứng từ, tài khoản, sổ sách và phương thức hạch toán.

✓ Thực hiện đúng chế độ nhà nước

✓ Tiếp cận những chuẩn mực quốc tế phù hợp với điều kiện doanh nghiệp.

✓ Đảm bảo cung cấp chính xác, kịp thời về mọi mặt của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.

### **3.2.4. Một số đề xuất hoàn thiện công tác kê toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ Phần Đình Đô em đã có cơ hội tiếp cận và đối chiếu giữa công tác kê toán thực tế với những lý thuyết được học ở trường. Em xin đưa ra một số đề xuất để hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại ở công ty như sau:

✓ **Đề xuất 1:** Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán

chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như IT\_SOFT, INNOVA.... Công ty có thể lựa chọn phần mềm kế toán hoặc thuê 1 công ty viết phần mềm phù hợp với điều kiện và đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ **Đề xuất 2:** Kế toán nên dùng TK 521 ( chiết khấu thương mại), TK 532 ( giảm giá hàng bán), TK 531(hàng bán bị trả lại) qua việc sử dụng 2 tài khoản này nhà quản trị khi nhìn vào bảng BCKQKD có thể khái quát được doanh thu thực của doanh nghiệp là bao nhiêu, các khoản giảm trừ doanh thu là bao nhiêu.

Kế toán hạch toán như sau :

Phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu thực tế phát sinh trong kỳ

Nợ TK 521, 532,531

Nợ TK 33311

Có TK 131,111,112

Cuối kỳ kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu

Nợ TK 511

Có TK 521, 523,531

**Ví dụ minh họa:** Ngày 20/12/2011 bán hàng cho Công ty Cổ Phần MTV Hoàng Hưng số tiền hàng chưa thuế : 409.600.000 đ, thuế GTGT : 10% . Do Cty Công ty Cổ Phần MTV Hoàng Hưng là khách hàng thường xuyên mua với số lượng lớn nên công ty cho khách hàng này hưởng khoản chiết khấu thương mại 0.5 % trên giá bán chưa thuế.

Hạch toán : a) Nợ TK 131: 450.560.000 đ

Có TK 511: 409.600.000 đ

Có TK 3331: 40.960.000 đ

b) Nợ TK 521 : 2.048.000 đ

Nợ TK 3331: 204.800 đ

Có TK 131: 2.252.800 đ

c) Nợ TK 511 : 2.048.000 đ

Có TK 521 : 2.048.000 đ



## Biểu 3.1

## Công ty Cổ Phần Đình Đô

Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn văn Linh, An Đông ,An Dương, HP

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Số 1112/061

Khách hàng : Công ty Cổ Phần MTV Hoàng Hưng

Địa chỉ: số 296 – Khu 6 – Thị trấn Diêm Điền – Thái Thụy- Thái Bình

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	DT bán neo, ma ní cho Công ty Cổ Phần MTV Hoàng Hưng	131	511	409.600.000 đ	
1	Thuế GTGT	131	33311	40.960.000 đ	
	<b>Cộng</b>			<b>450.560.000 đ</b>	

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc điều hành

(ký, họ tên, đóng dấu)



Biểu 3.2

**Công ty Cổ Phần Đình Đô****Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn văn Linh, An Đông ,An Dương, HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Số 1112/062

Khách hàng : Công ty Cổ Phần MTV Hoàng Hưng

Địa chỉ: số 296 – Khu 6 – thị trấn Diêm Điền – Thái Thụy- Thái Bình

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	Cho cty Cổ Phần MTV Hoàng Hưng hưởng chiết khấu thương mại	521	131	2.048.000 đ	
2	Thuế GTGT	3331	131	204.800 đ	
	<b>Cộng</b>			<b>2.252.800 đ</b>	

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc điều hành**

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.3

**Công ty Cổ Phần Đình Đô****Địa chỉ : Số 3 , Nguyễn văn Linh, An Đông ,An Dương, HP****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 1112/084

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Ghi chú
1	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu	511	521	2.048.000 đ	
	<b>Cộng</b>			<b>2.048.000 đ</b>	

**Người lập biểu**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc điều hành**

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.4  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: Số 3, Nguyễn Văn Linh, An Đông, An Dương, HP

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	.....	...	.....		....	.....
20/12	HĐ 0478	20/12	DT bán neo, ma ní cho Công ty Cổ Phần MTV Hoàng Hưng	131 511 3331	450.560.000	409.600.000 40.960.000
20/12	PKT 1112/062	20/12	Cho cty Cổ Phần MTV Hoàng Hưng hưởng chiết khấu thương mại	521 3331 131	2.048.000 204.800	2.252.800
.....	.....	...	.....		....	.....
31/12	PKT 1112/084	31/12	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu	511 521	2.048.000	2.048.000
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển Doanh thu quý 4/2011	511 911	30.915.003.698	30.915.003.698
.....	.....	...	.....		....	.....
			<b>Số phát sinh</b>		<b>922.174.337.880</b>	<b>922.174.337.880</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập  
(ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 3.5

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÌNH ĐÔ

Địa chỉ: Số 3 , Nguyễn Văn Linh, An Đông , An Dương , HP

**SỔ CÁI**

Số hiệu Tài khoản: 511

Tên tài khoản Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu năm</b>			
20/12	HD 0478	20/12	DT bán neo, ma ní theo cho Công ty Cổ Phần MTV Hoàng Hưng	131		409.600.000
...	...	....	.....	....	...	
31/12	PKT 1112/084	31/12	Kết chuyển các khoản giảm trừ DT tháng 12/2011	521	2.048.000	
31/12	PKT 1112/085	31/12	Kết chuyển Doanh thu quý 4/2011	911	30.915.003.698	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>117.777.196.564</b>	<b>117.777.196.564</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

(Ký , ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký , ghi rõ họ tên)

✓ **Đề xuất 3:** Tiến hành cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán khi khách hàng thanh toán ngay hoặc trước thời hạn ghi trên hợp đồng.

Đối với người bán : Chiết khấu thanh toán là 1 khoản mà người bán cho người mua hưởng 1 khi người mua thanh toán tiền hàng ngay hoặc thanh toán trước thời hạn, chi phí này được coi như 1 khoản chi phí hợp lý, hợp lệ và được hạch toán vào TK 635 (chi phí tài chính).

Khi có phát sinh chi phí này kế toán hạch toán :

Nợ TK 635

Có Tk 131,111,112

Khi công ty áp dụng chính sách này có thuận lợi đó là giảm trừ được rủi ro đối với các khoản doanh thu bán chịu, và thúc đẩy quá trình thanh toán của khách hàng tránh trường hợp bị khách hàng chiếm dụng vốn, hơn nữa khi khách hàng thanh toán trước thời hạn, công ty có thể sử dụng số tiền đó để tái đầu tư sản xuất hoặc gửi ngân hàng sinh lời...

Ví dụ : ngày 21/12/2011 bán hàng cho công ty cổ phần cơ khí đúc Mỹ Đồng, số tiền chưa thuế : 452.900.000 đ, thuế GTGT 10%. Công ty CP cơ khí đúc Mỹ Đồng thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng nên công ty cho khách hàng này hưởng 0.5 % chiết khấu thanh toán trên giá bao gồm thuế GTGT.

Kế toán vào phiếu kế toán phản ánh số tiền cho khách hàng hưởng chiết khấu thanh toán :

Hạch toán : Nợ TK 635 : 2.490.950 đ

Có TK 131: 2.490.950 đ

✓ **Đề xuất 4:** Công ty nên trích dự phòng phải thu khó đòi để phòng những rủi ro trong tương lai cho những khoản nợ không thu hồi được từ khách hàng.

✓ **Đề xuất 5:** Công ty nên thành lập công đoàn và tiến hành trích KPCĐ theo lương người lao động để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Công đoàn là tổ chức đại diện và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động nên hiện tượng người lao động không gia nhập

Công đoàn (nếu có) chỉ là nhất thời. Khi tổ chức Công đoàn được thành lập và hoạt động có hiệu quả, người lao động sẽ tự nguyện tham gia.

Tại điểm a khoản 1 Điều 16 Điều lệ Công đoàn Việt Nam quy định “Công đoàn cơ sở được thành lập ở các doanh nghiệp, các hợp tác xã sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập; các cơ quan nhà nước, cơ quan của tổ chức chính trị, chính trị – xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp, có 5 đoàn viên trở lên và được công đoàn cấp trên quyết định thành lập”.

Như vậy, chỉ cần có 5 người lao động trở lên tự nguyện gia nhập tổ chức công đoàn thì phải thành lập công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp.

Công ty Cổ Phần Đình Đô sử dụng trên 250 lao động, với số lượng người lao động như vậy thì cần có 1 tổ chức trong công ty đứng ra để bảo vệ các quyền lợi chính đáng cho người lao động.

Khi thành lập công đoàn công ty tiến hành trích kinh phí công đoàn theo lương người lao động với tỷ lệ 2 % trên mức lương cơ bản của người lao động.

**✓ Đề xuất 6: Hạch toán tất cả các khoản chi phí thu mua NVL, hàng hóa... vào giá trị của NVL, hàng hóa nhập kho**

Ví dụ : ngày 22/12/2011 Công ty mua thép hình của công ty CP thép Thăng Long, số tiền hàng : 52.000.000đ (thuế GTGT 10 %), chi phí bốc dỡ, vận chuyển là : 1.000.000 đ (chưa thuế)

Khi đó giá trị NVL thép hình nhập kho = 52.000.000 + 1.000.000 = 53.000.000 đ

Hạch toán :           Nợ Tk 152 : 53.000.000 đ

                          Nợ TK 133: 6.300.000 đ

  Có TK 331: 58.300.000 đ

**✓ Đề xuất 7: sử dụng tài khoản 811 (chi phí hoạt động khác) cho khoản phạt nộp chậm thuế**

Hạch toán :           Nợ Tk 811

  Có TK 111,112,333

**✓ Đề xuất 8:** Với những CCDC có giá trị nhỏ hơn 10 triệu, tham gia vào nhiều chu trình sản xuất kinh doanh, công ty nên tiến hành lập bảng phân bổ CCDC dài hạn và hạch toán dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Sau khi tính ra số phân bổ CCDC dài hạn của kỳ kinh doanh, kế toán tiến hành hạch toán vào tài khoản chi phí (theo bộ phận sử dụng).

Hạch toán :

- Nợ TK 627: nếu CCDC sử dụng ở BP SX
- Nợ TK 641: nếu CCDC sử dụng ở BP bán hàng
- Nợ TK 642: nếu CCDC sử dụng ở BP quản lý doanh nghiệp
- Có TK 242: giá trị CCDC phân bổ của kỳ kinh doanh

Ví dụ : Bảng phân bổ công cụ dụng cụ dài hạn tháng Quý 4/2011





**Công ty cổ phần Đình Đô**

**Địa chỉ : số 3 Nguyễn Văn Linh, An Đông, An Dương, Hải Phòng**

**BẢNG PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ DÀI HẠN**  
**Quý 4 Năm 2011**

STT	Nội dung	Thời gian đưa vào sử dụng	Số tháng sử dụng	Số PB 01 tháng	Số dư đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ			Số dư cuối kỳ		
					Giá trị	Số PB lũy kế	Giá trị còn lại	Giá trị		Số phân bổ	Giá trị	Số PB lũy kế	Giá trị còn lại
								Tăng	Giảm				
<b>B</b>	<b>BP QLDN</b>												
1	Máy in	T9/2011	26	369,231	9,600,000	738,462	8,861,538			1,107,692	9,600,000	1,846,154	7,753,846
2	Tivi Sony	T9/2011	24	729,203	17,500,860	1,458,405	16,042,455			2,187,608	17,500,860	3,646,013	13,854,848
3	Máy photo	T9/2011	27	319,704	8,632,000	639,407	7,992,593			959,111	8,632,000	1,598,519	7,033,481
	<b>Cộng</b>			<b>1,418,137</b>	<b>35,732,860</b>	<b>2,836,274</b>	<b>32,896,586</b>	-	-	<b>4,254,411</b>	<b>35,732,860</b>	<b>7,090,685</b>	<b>28,642,175</b>

Hạch toán

**Nợ TK 6424      4,254,411**

**Có TK 242      4,254,411**

## **☞ KẾT LUẬN ☜**

Đối với 1 doanh nghiệp, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng. Thông qua việc kế toán xác định đúng doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp, ngoài việc giám đốc có thể đánh giá được tình hình kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp theo chiều hướng tốt hay xấu, đồng thời còn xác định được số thuế phải nộp Nhà nước, phân phối thu nhập cho người lao động, chia lãi cho các cổ đông góp vốn. Vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất cần thiết cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Đề tài “hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đình Đô” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau đây:

Về mặt lý luận: nêu được những nhận thức về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đình Đô.

Về mặt thực tế: đã đưa ra được những số liệu minh họa cụ thể doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong kỳ kinh doanh của Công ty.

Về những kiến nghị nhằm hoàn thiện những mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh: đã vận dụng, kết hợp được lý thuyết được học ở trường với những kiến thức ngoài thực tế đưa ra những đề xuất khách quan cho việc hoàn thiện công tác kế toán bóii chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Do trình độ còn hạn chế nên khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện. Qua đây em xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô giáo cử nhân (kế toán trưởng)- cô Tô Thúy Hoa cùng các thầy cô giáo trong trường đã tận tình chỉ bảo em để em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !